

TRƯỜNG THCS CHÂU VĂN LIÊM

Tuần 2 (13/9/2021 – 19/9 2021)

NGŨ VĂN 7: (TUẦN 2 - 4 TIẾT)

B2, T5, 6: Cuộc chia tay của những con búp bê. B2, T7: Bức thư trong văn bản. B2, T8: Mạch lạc trong văn bản.

PHẦN GHI VỞ CỦA HỌC SINH KHỐI 7- NGŨ VĂN 7

- **BÀI 2, T5, 6: Cuộc chia tay của những con búp bê.**

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1. Tác giả - tác phẩm: (SGK)

- Tác giả: Khánh Hoài 10 /7/1937 (Thái Bình).
- Tác phẩm: - Thể loại: truyện ngắn.
- Xuất xứ: tác phẩm đạt giải nhì trong cuộc thi thơ - văn viết về quyền trẻ em 1992.
- Phương thức biểu đạt (PTBD): tự sự, kể chuyện ngôi thứ nhất, biểu cảm.
- Bố cục: (3 PHẦN) + P1: “từ đầu ... hiểu thảo như vậy” => Chia búp bê.
- + P2: tiếp theo ... trèo lên cành vật => Chia tay lớp học.
- + P3: còn lại => Hai anh em chia tay nhau.
- Tóm tắt văn bản: Thành và Thủy là hai anh em được sinh ra và lớn lên trong một gia đình khá giả. Hai anh em rất yêu thương nhau nhưng bố mẹ ly hôn, hai anh em phải chia tay nhau. Thành ở lại với bố. Thủy theo mẹ về quê sống cùng bà ngoại ở xa và không được tiếp tục đi học nữa. Hai anh em rất buồn. Cuộc chia tay diễn ra trong nước mắt cùng những con búp bê. Thủy đã không chia hai con búp bê và quyết định để lại cho anh. Thành đã khóc và hứa với em sẽ không bao giờ để hai con búp bê cách xa nhau./.

II. PHÂN TÍCH:

1. Tâm trạng của Thủy và Thành khi chia búp bê:

- Nguyên nhân: Bố mẹ li hôn nên hai anh em phải xa nhau, phải chia đồ chơi theo lệnh của mẹ.
- * Tâm trạng của hai anh em: + Thủy: kinh hoàng, sợ hãi, đau đớn, nức nở. + Thành: nước mắt tuôn như suối. => Đau khổ, buồn tủi, tuyệt vọng đến bất lực.
- Thái độ của Thủy: + Lúc đầu: Không quan tâm, mắt nhìn nơi khác.
- + Sau đó: Tru tréo giận dữ khi anh chia 2 con búp bê... đồng ý chia búp bê.
- > Tình cảm chân thành, sâu nặng.

2. Tình cảm của hai anh em Thành và Thủy:

- Thành: giúp em học, đưa đón em, dành hết đồ chơi cho em, dẫn em đến trường chào cô và các bạn.
- > Quan tâm, chăm sóc cho em chu đáo.
- => Hai anh em rất mực yêu thương, chia sẻ và luôn quan tâm đến nhau.

3. Chia tay với lớp học:

- Cảnh vật khi hai anh em rời khỏi lớp: tươi đẹp
- > Miêu tả đối lập: tâm trạng >< cảnh vật.
- => Bơ vơ, lạc lõng, cô đơn, đau xót

4. Cuộc chia tay của hai anh em:

- + Thành: máu me, đứng chôn chân nhìn theo bóng em.
- => Cuộc chia tay đầy thương tâm, đau xót và xúc động.

III. TỔNG KẾT: 1. Nội dung - Ca ngợi tình cảm anh em thắm thiết trong sáng

- Phê phán những bậc cha mẹ vô trách nhiệm với con cái, đẩy con cái mình vào những hoàn cảnh bế tắc, éo le

2. Nghệ thuật - Sử dụng hình ảnh ẩn dụ trong nhan đề.

- Lựa chọn ngôi kể thích hợp. - Xây dựng nhân vật tài tình, thành công.
- Nghệ thuật đối lập: nội tâm với ngoại cảnh.

IV. BÀI TẬP VỀ NHÀ: Từ đoạn trích trên cũng như tác phẩm *Cuộc chia tay của những con búp bê*, và những hiểu biết về đời sống xã hội, em có lời nhắn gửi gì đến những ông bố bà mẹ đang đứng bên bờ vực của sự chia ly? (viết một đoạn văn ngắn từ 8 đến 10 dòng).

▪ **BÀI 2, T7: Bố cục trong văn bản.**

I. BÀI HỌC: 1. Bố cục của văn bản

- a. Ngữ liệu: ĐƠN XIN NGHỈ HỌC.
- b. Nhận xét: Trình tự sắp xếp một lá đơn:
 - + Quốc hiệu – tiêu ngữ
 - + Tên đơn
 - + Người gửi
 - + Người nhận
 - + Lý do, lời hứa
 - + Lời cảm ơn
 - + Ngày, tháng, năm
 - + Ký tên

2. Những yêu cầu về bố cục trong văn bản:

- ND các phần phải thống nhất, chặt chẽ, nhưng rạch ròi.
- Trình tự sắp xếp các phần phải đạt được mục đích giao tiếp

3. Các phần của bố cục: Văn bản tự sự ?

- Mở bài: Giới thiệu sự việc.
- Thân bài: Diễn biến của sự việc
- Kết bài: Cảm nghĩ về sự việc

II. LUYỆN TẬP

1. Tìm bố cục cho văn bản: "Cuộc chia tay của những con búp bê"?

Cách 1: Chia theo (thời gian), sự việc, Hai anh em Thành - Thủy:

- Chia đồ chơi.
- Đến trường chia tay với cô giáo và các bạn.
- Hai anh em chia tay nhau

Cách 2: Theo cảm xúc

Tâm trạng, thái độ hai anh em Thành-Thủy khi:

- Nghe mẹ nhắc phải chia đồ chơi.
- Lúc chia đồ chơi.
- Lúc đến trường chia tay cô giáo và các bạn.
- Lúc chia tay.

Cách 3: Theo bố cục 3 phần.

- + MB: Giới thiệu nhân vật anh em Thành-Thủy và tình huống phải chia đồ chơi
- + TB: Diễn biến cuộc chia đồ chơi.
- + KB: Kết thúc truyện: Cuộc chia tay của hai anh em.

2.Đề tạo nên mạch lạc cho truyện Cuộc chia tay của những con búp bê, tác giả đã sử dụng các mối liên hệ nào ?

- Đêm qua- giờ này- gần trưa -> Liên hệ thời gian
- Trong nhà – ngoài vườn- trong nhà- đến trường- về nhà
-> Liên hệ không gian.
- Hồi tưởng về ngày xưa , cái ngày gia đình khá giả, mọi người yêu thương nhau -
> Liên hệ tâm lí (nhớ lại)
 - Chia búp bê = Hai anh em chia tay nhau -> Tương đồng
Hai con búp bê gần nhau – Hai anh em phải xa nhau -> Tương phản =>
(Tương đồng, Tương phản) -> Liên hệ ý nghĩa

▪ **BÀI 2, T8: Mạch lạc trong văn bản.**

I. Tìm hiểu bài:

1. Mạch lạc là gì?

Mạch lạc là sự nối tiếp các câu các ý theo một trình tự hợp lý giữa các ý, các phần trong nội dung diễn đạt.

2. Các điều kiện để có một văn bản mạch lạc

Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt.

Các phần các đoạn được nối tiếp nhau theo một trình tự rõ ràng, hợp lý, trước sau hô ứng nhau nhằm làm cho chủ đề liên mạch và gợi nhiều hứng thú cho người đọc, người nghe.

II. Luyện tập:

1. Tìm điểm giống và khác nhau giữa liên kết và mạch lạc?

Giống nhau: Đều là sự gắn liền nối liền các câu các đoạn với nhau nhằm làm cho văn bản rõ ràng dễ hiểu, thể hiện được chủ đề .

Khác nhau:

Liên kết	Mạch lạc
Sử dụng các phương tiện từ ngữ để nối kết các câu, các đoạn lại với nhau. Thiên về hình thức bên ngoài.	Đề tài, chủ đề được thể hiện một cách xuyên suốt qua các phần, các câu, các đoạn trong văn bản Thiên về nội dung bên trong

2. Tìm hiểu tính mạch lạc trong ba văn bản:

a) Văn bản: "Mẹ tôi".

- Ý 1: Thiếu lễ độ với mẹ là sự hỗn láo.
 - Ý 2: Công lao to lớn của người mẹ.
 - Ý 3: Con phải thấy cái sai, phải sửa đổi.
- (Ý 2 có tác dụng giải thích ý 1 đồng thời dẫn dắt ý đến ý 3) -> hợp lí và có sức thuyết phục.

b1) Văn bản : Lão nông và các con: 3 phần

- Từ đầu..... nhất đời: Nêu vấn đề.
- Tiếp.... bội thu: Chứng minh vấn đề
- Còn lại: Lời kết khẳng định lại vấn đề.

b2) Văn bản : SẮC VÀNG NGÀY MÙA

Đề tài : Thiên nhiên

Chủ đề : - Sắc vàng trù phú, đầm ấm của làng quê “ vào mùa đông ”, “ giữa ngày mùa ”.

- Dẫn dắt theo một dòng chảy hợp lý, phù hợp với nhận thức của người đọc.
 - + Câu đầu giới thiệu bao quát về sắc vàng trong không gian làng quê.
 - + Các đoạn được nối với nhau theo mối liên hệ thời gian và ý nghĩa
 - + Sau đó, tác giả nêu lên các biểu hiện của sắc vàng.
- + Hai câu cuối là nhận xét, cảm xúc về màu vàng.

HẾT TUẦN 2

TUẦN 2 - MÔN LỊCH SỬ
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
TUẦN 2 (TỪ 13/9-18/9)

- 1. Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học, ghi nội dung bài học, tự kiểm tra đánh giá quá trình tự học.**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề	TIẾT 3, Bài 3: CUỘC ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p>- HS ĐỌC SGK MỤC 1 TRANG 8-9 TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tại sao giai cấp tư sản lại chọn văn hoá làm cuộc mở đường cho đấu tranh chống phong kiến? + Nội dung của cuộc đấu tranh văn hóa là gì? + Kể tên một số nhà văn hoá, khoa học mà em biết? + Ý nghĩa của phong trào Văn hoá Phục hưng là gì? <p>-HS Đọc mục 2 SGK trang 9-10: Phong trào cải cách tôn giáo, trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nguyên nhân nào dẫn đến phong trào cải cách tôn giáo? + Kể tên các cuộc cải cách tôn giáo lớn? + Trình bày nội dung tư tưởng cuộc cải cách của Lu thơ. + Phong trào cải cách tôn giáo có tác động trực tiếp như thế nào đến xã hội châu Âu lúc bấy giờ?
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<p>Câu 1. Quan sát hình 6 Ma-đô-na bên cửa sổ (tranh của Lê-ô-na-đơ van xi) trong SGK và dựa vào nội dung bài học, em hãy chọn những đáp án em cho là đúng.</p> <p>Thông qua bức tranh, tác giả muốn nói lên điều gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ca ngợi tình mẫu tử b. Đề cao giá trị chân chính của con người c. Đề cao vai trò của người phụ nữ <p>Nội dung của phong trào văn hóa Phục hưng là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Xây dựng xã hội theo giáo lí của kinh thánh b. Lên án nghiêm khắc Giáo hội Ki-tô và đả phá trật tự xã hội phong kiến c. Đề cao giá trị con người, đề cao khoa học tự nhiên và xây dựng thế giới quan duy vật tiến bộ

	<p>Phong trào văn hóa phục hưng có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>a. Tạo điều kiện cho giáo lí kinh thánh phát triển cao hơn ở Châu Âu</p> <p>b. Mở đường cho sự phát triển cao hơn văn hóa của Châu Âu và nhân loại</p> <p>c. Góp phần hoàn thiện trật tự xã hội phong kiến ở Châu Âu</p> <p>Câu 2: Quan sát hình 7 M.Lu-thơ (1483-1546) trong SGK và dựa vào nội dung bài học, em hãy chọn những đáp án em cho là đúng:</p> <p>M. Lu-thơ là ai?</p> <p>a. Là tu sĩ người Đức và là người khởi xướng phong trào cải cách tôn giáo</p> <p>b. Là người đấu tranh để bảo vệ giáo lí và những thủ tục lễ nghi của Giáo hội</p> <p>c. Là người chỉ trích những giáo lí giả dối của giáo hội, đòi bãi bỏ những thủ tục lễ nghi phiến toái và quay về với giáo lí Ki-tô nguyên thủy</p> <p>Những tư tưởng cải cách của M.Lu thơ đã có tác động như thế nào đến xã hội phong kiến Châu Âu lúc bấy giờ?</p> <p>a. Làm sụp đổ Giáo hội</p> <p>b. Đủ ảnh hưởng mạnh mẽ tới các nước Châu Âu như Thụy sĩ, Pháp, Anh... và hình thành nên một giáo phái mới gọi là đạo tin lành</p> <p>c. Làm bùng lên một cuộc đấu tranh rộng lớn ở Đức mà sử sách gọi là chiến tranh nông dân ở Đức</p>
TIẾT 4	
<p>Tên bài học/ Hoạt động 2: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</p>	<p style="text-align: center;">BÀI 4: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN (Mục 1+2+3)</p> <p>-HS đọc SGK Mục 1 trang 10: Sự hình thành xã hội phong kiến Trung Quốc để trarlowif các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất thời Xuân thu chiến quốc có gì tiến bộ? - Phân tích tác dụng của công cụ bằng sắt? - Giai cấp địa chủ và nông dân tá điền được hình thành như thế nào? - Giai cấp địa chủ và nông dân tá điền đã được hình thành như thế nào ở xã hội TQ? -Xã hội phong kiến Trung Quốc được hình thành vào thời gian nào? - Học sinh xem bảng niên biểu Trung Quốc thời cổ trung đại nhớ được mốc thời gian của nhà Tần (221-206TCN) <p>-Hs đọc SGK mục 2 trang 11: Trung Quốc thời Tần Hán, trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà Tần đã có chính sách gì để củng cố chính quyền và phát triển kinh tế? + Nhận xét chính sách cai trị của nhà Tần. + Giới thiệu sơ lược về Tần Thủy Hoàng + Quan sát hình 8. SGK trang 11. Em có nhận xét gì về hình ảnh trên?

	<ul style="list-style-type: none"> + Những chính sách cai trị và phát triển kinh tế của nhà Hán? + Ý nghĩa của những chính sách đó? + Về đối ngoại, nhà Tần –Hán thực hiện chính sách gì? <p>- Hs đọc mục 3. SGK trang 12 trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức bộ máy nhà Đường như thế nào? + Tình hình kinh tế dưới thời Đường như thế nào? + Chính sách đối ngoại của nhà Đường ra sao? 						
<p><u>Hoạt động 2:</u> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p>1. Em hãy quan sát hình 8. Tượng gốm trong lăng mộ Tần Thủy Hoàng, sau đó trả lời câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Các tượng gốm này gắn liền với vị vua nào ở Trung Quốc? b. Vị vua mà em đã trả lời ở câu 1 gắn liền với triều đại nào ở Trung Quốc? c. Triều đại mở đầu cho thời kì Phong kiến Trung Quốc là triều đại nào? <p>2. Dựa vào nội dung bài học em hãy điền vào bảng những thông tin cần thiết về xã hội Phong Kiến Trung Quốc thời Tần-Hán và thời Đường</p> <table border="1" data-bbox="506 961 1528 1734" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 25%;">Thời kì</th> <th>Những nội dung chính</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="vertical-align: top;">Thời Tần-Hán</td> <td> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> </td> </tr> <tr> <td style="vertical-align: top;">Thời Đường</td> <td> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> </td> </tr> </tbody> </table>	Thời kì	Những nội dung chính	Thời Tần-Hán	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	Thời Đường	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
Thời kì	Những nội dung chính						
Thời Tần-Hán	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>						
Thời Đường	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>						

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài vào tập

Bài 3: CUỘC ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN

1. Phong trào Văn hoá Phục hưng.

a. Nguyên nhân.

- Chế độ phong kiến kìm hãm sự phát triển của xã hội.
- Giai cấp tư sản có thế lực kinh tế nhưng không có địa vị xã hội nên đấu tranh.

b. Nội dung tư tưởng.

- Phê phán xã hội phong kiến và Giáo hội Ki-tô
- Đề cao giá trị con người, khoa học tự nhiên, xây dựng thế giới quan duy vật tiên bộ.

c. Ý nghĩa:

- Phát động quần chúng đấu tranh chống phong kiến.
- Mở đường cho sự phát triển của văn hoá châu Âu và nhân loại.

2 / Phong trào cải cách tôn giáo.

a. Nguyên nhân:

Giáo hội bóc lột nhân dân và cản trở sự phát triển của giai cấp tư sản.

b. Diễn biến:

- Cải cách của M.Lu-thơ (Đức)...
- Cải cách của Can-Vanh (Thụy Sĩ)...

c. Hệ quả:

Đạo Ki-tô bị chia thành hai phái: Cựu giáo là Ki-tô giáo cũ và Tân giáo. Hai tôn giáo này mâu thuẫn và xung đột với nhau => bùng lên chiến tranh nông dân Đức.

BÀI 4: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc.

- Xã hội phong kiến hình thành từ thế kỉ III TCN.
- Quan lại và nông dân giàu chiếm nhiều ruộng, có quyền lực trở thành địa chủ.
- Nhiều nông dân mất ruộng, phải nhận ruộng của địa chủ trở thành tá điền, phải nộp một phần hoa lợi cho địa chủ gọi là địa tô.
- > Xã hội phong kiến Trung Quốc được xác lập.

2. Xã hội Trung Quốc thời Tần - Hán

a. Tổ chức bộ máy nhà nước.

- + Thời Tần: chia đất nước thành các quận, huyện và trực tiếp cử quan lại đến cai trị, thi hành chế độ cai trị rất hà khắc.
- + Nhà Hán: chế độ pháp luật hà khắc được bãi bỏ.

b. Chính sách đối ngoại.

Tiến hành mở rộng lãnh thổ bằng các cuộc chiến tranh xâm lược

c. Tình hình kinh tế.

Thời Tần - Hán: ban hành chế độ đo lường thống nhất, giảm tô thuế, khuyến khích nông dân nhận ruộng cày và khẩn hoang...

3. Sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.

a. Tổ chức bộ máy nhà nước.

- Bộ máy nhà nước được củng cố hoàn thiện hơn, cử người thân tín đi cai quản các địa phương, mở nhiều khoa thi để tuyển chọn nhân tài.

b. Chính sách đối ngoại.

- Tiên hành mở rộng lãnh thổ bằng các cuộc chiến tranh xâm lược: Triều Tiên, Nội Mông, Đại Việt...

c. Tình hình kinh tế.

- Thi hành nhiều biện pháp giảm tô, lấy ruộng công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân

- Thực hiện chế độ quân điền, do đó sản xuất phát triển.

-> Kinh tế phồn thịnh.

3. Hướng dẫn học sinh ghi thắc mắc cần giáo viên giải đáp.

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
LỊCH SỬ	Bài 3: Mục I: Phong trào văn hóa Phục Hưng lịch sử MỤC II: Phong trào cải cách tôn giáo	1..... 2..... 3.....
	Bài 4 1. Sự hình thành XHPK Trung Quốc 2. Xã hội Trung Quốc thời Tần- Hán 3. Sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường	1..... 2..... 3.....

TUẦN 2- MÔN ĐỊA LÝ
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 3: QUẦN CƯ – ĐÔ THỊ HOÁ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p>HS đọc SGK Địa lí 7.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc thuật ngữ “Quần cư” trang 187 SGK - Quần cư có tác động đến các yếu tố nào? - Dựa vào hình 3.1; 3.2 sgk và hiểu biết của mình cho biết sự khác nhau giữa 2 kiểu quần cư đô thị và quần cư nông thôn về: <ul style="list-style-type: none"> + Cách tổ chức sinh sống. + Mật độ dân số . + Lối sống. + Hoạt động kinh tế. - Xác định được trên quả địa cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới. - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức được ý nghĩa của hệ thống kinh, vĩ tuyến. - Năng lực tìm hiểu địa lí: <ul style="list-style-type: none"> + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr118-121. + Sử dụng quả Địa cầu, hình 1.1 SGK tr118 để xác định kinh tuyến gốc, Xích đạo, các bán cầu.. + Quan sát hình 1.3 SGK tr120 để nhận biết một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào nội dung sgk tìm hiểu về sự xuất hiện của các đô thị trên Trái Đất từ khi nào? - Đô thị hoá phát triển mạnh nhất khi nào? - Dựa vào lược đồ hình 3.3 sgk kể tên các đô thị có từ 8 triệu dân trở lên ở các nước phát triển và các nước đang phát triển

	<p>?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong những năm gần đây số siêu đô thị trên thế giới ntn? - Tỷ lệ dân số đô thị trên thế giới từ thế kỉ XVIII đến nay tăng bao nhiêu lần? (Từ 5% lên 52.5% tăng gấp 10.5 lần). - Sự phát triển nhanh của các siêu đô thị đã để lại hậu quả gì?
--	--

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Bài 3: QUẦN CƯ – ĐÔ THỊ HOÁ

Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)

1. Quần cư nông thôn, quần cư đô thị:

a. Quần cư nông thôn:

- Quần cư nông thôn là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là
- Làng mạc, thôn xóm thường phân tán, gắn với đất canh tác, đất đồng cỏ, đất rừng hay mặt nước.
- Mật độ dân số thường

b. Quần cư đô thị:

- Quần cư đô thị là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất; nhà cửa tập trung và mật độ dân số
- Hiện nay, số người sống trong các đô thị chiếm khoảng dân số thế giới và có xu thế

2. Đô thị hoá, các siêu đô thị:

- Các đô thị xuất hiện từ rất sớm trong thời và phát triển nhanh trong thế kỉ..... ở các nước công nghiệp. Đầu thế kỉ XX, đô thị đã xuất hiện rộng khắp thế giới.
- Nhiều đô thị phát triển nhanh chóng trở thành các siêu đô thị. Trong những năm gần đây, số siêu đô thị trên thế giới tăng nhanh.
- Đô thị hóa nếu phát triển tự phát sẽ gây ra nhiều nghiêm trọng cho

Bài 4 : THỰC HÀNH : PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP TUỔI.

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Hoạt động 1: đọc tài liệu tìm hiểu mục 2 và thực hiện các yêu cầu sau	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên các nhóm tuổi và giới hạn độ tuổi trong từng nhóm? - Hình dáng của tháp tuổi có gì thay đổi ? - Nhóm tuổi nào tăng về tỉ lệ, tăng bao nhiêu? - Nhóm tuổi nào giảm về tỉ lệ, giảm bao nhiêu?
Hoạt động 2: Đọc lược đồ phân bố dân cư châu Á	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm đô thị và siêu đô thị . - Những khu vực tập trung đông dân cư ở châu Á ? - Các đô thị lớn ở châu Á thường phân bố ở đâu ?

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)

2. Đọc tháp tuổi Thành Phố Hồ Chí Minh :

- Hình dáng tháp 4.3 so với tháp 4.2
- + Chân thu hẹp hơn .
- + Giữa phình to hơn .
- Nhận xét :
- + Nhóm trong tuổi lao động
- + Nhóm dưới tuổi lao động
- ⇒ Dân thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng

3. Đọc lược đồ phân bố dân cư châu Á :

- Nơi đông dân :,,
- Các đô thị lớn thường tập trung ở hoặc

A. NỘI DUNG GHI VỞ TUẦN 2-MÔN GDCD
CHỦ ĐỀ 1: SỰ TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN
BÀI 2: TRUNG THỰC

I. Truyện đọc: Sgk

Sự công minh chính trực của một nhân tài.

II. Nội dung bài học

1. Trung thực là gì?

Trung thực là:

- Luôn luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lí, lẽ phải.
- Biểu hiện ở chỗ: Sống ngay thẳng, thật thà; dám dũng cảm nhận lỗi khi mắc khuyết điểm.

2. Ý nghĩa

- Trung thực là đức tính cần thiết và quý báu.
- Trung thực giúp ta:
 - + Nâng cao phẩm giá, làm lành mạnh các mối quan hệ XH.
 - + Được mọi người tin yêu, kính trọng.

Tục ngữ: Cây ngay không sợ chết đứng.

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

1. Để trở thành người trung thực, em cần rèn luyện như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Vì sao cần phải trung thực?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 – 6 câu kể về một lần thiếu trung thực của em hoặc của người khác. Em rút ra được bài học gì cho bản thân?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI HỌC ÂM NHẠC KHỐI 7 – TUẦN 2

TIẾT 1:

- Ôn bài hát *Mái trường mến yêu*
- **TẬP ĐỌC NHẠC SỐ 1**

Ca ngợi Tổ quốc

Nhạc và lời: Hoàng Vân

Nhanh - Vui



Tương lai đang đón chờ tay em và noi theo bước đàn anh.



Tương lai đang đón chờ tay em đi xây dựng nước nhà.

1. Nhận xét TĐN số 1:

- Bài viết ở nhịp mấy?
- Trường độ gồm những hình nốt nào?
- Cao độ có nốt gì? Ghi từ thấp lên cao?

2. Hs luyện đọc tên nốt nhạc trong bài cho thuần thục.

3. Dặn dò:

- 01 Sáng tạo động tác vận động cho bài *Mái trường mến yêu*
- 02 Vẽ bài TĐN số 1 vào vở và đọc tên nốt
- 03 Đọc bài đọc thêm: *CÂY DÀN BẦU*
- 04 Chuẩn bị tiết 3: Nhạc sĩ Hoàng Việt và bài hát *Nhạc rừng*

Mái trường mến yêu.

Lê quốc Thắng



Ôi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu
 Khi bình minh hé sáng phố phường còn ngủ yên



Có loài chim đang hát âm thầm tựa như nói
 Khi giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá...



Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống



Thầy đưa dắt chúng em với tấm lòng thiết tha



...Thầy bước đến trường em mang một tình yêu ước mơ Cho



tiếng ánh mắt trẻ thơ Cho từng khúc nhạc dịu êm



Như thời gian êm đềm theo tháng năm




Như giọng sông gợn đều theo cơn gió Mang tình yêu của



Thầy đến với chúng em Để dựng xây quê hương tương lai sáng ngời.

TUẦN 2- MÔN MĨ THUẬT
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Khối 7:Tuần 2- Tiết 2 Bài 2: Thường thức mỹ thuật <p style="text-align: center;">MỘT SỐ CÔNG TRÌNH MĨ THUẬT THỜI TRẦN (1226 - 1400)</p>
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<p>I. Kiến trúc</p> <p>1. Tháp Bình Sơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến trúc chùa tháp thuộc kiến trúc Phật giáo - Được xd trên nền một ngọn đồi thấp ngay trước sân chùa Vĩnh x Khánh - Là một công trình bằng đất nung cao 15m hiện còn 11 tầng - Có mặt bằng là hình vuông , càng lên cao thu nhỏ dần, tầng dưới cao hơn các tầng trên, lòng tháp được xây thành một khối trụ, xung quanh tt hoa văn phong phú. - Là công trình kt với cách tạo hình chắc chắn, tồn tại 600 năm trong khí hậu nhiệt đới  <p>2. Kiến trúc khu lăng mộ An Sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây thuộc kiến trúc cung đình vì đây là nơi chôn cất , thờ cúng các vị vua Trần. - Là khu lăng mộ lớn được xd sát chân núi thuộc Đông Triều - QN các lăng được xd cách xa nhau nhưng đều hướng về khu đền An Sinh - Diện tích khu lăng mộ này chiếm cả một quả đồi lớn, được tt bằng các pho tượng như Rồng, sấu, quan hầu, các con vật.. <p>II. Điêu khắc và Trang trí:</p> <p>1. Tượng hổ ở lăng Trần Thủ Độ</p>

- Khu lăng mộ được xây dựng 1264 tại Thái Bình, trước cửa lăng có tạc 1 con hổ ở thế nằm bằng chất liệu đá
- Tượng có kích thước như thật 1m43, thân thon, ngực nở, bắp vế căng tròn, tạo sự dũng mãnh của vị chúa sơn lâm mặc dù ở thế nằm.
- Hình ảnh con vật này đại diện cho khí phách anh hùng, uy dũng quyết đoán của vị thái sư triều Trần, dáng con vật thanh thoi mà tiềm ẩn 1 sức mạnh phi thường nên trước lăng của ông có hình tượng con vật thiêng này.
- Tác phẩm đã lột tả được tính cách, vẻ đường bệ, lẫm liệt uy phong của vị thái sư triều Trần.



Hình 4. Hổ (Tượng đá - Lăng Trần Thủ Độ)

2. Chạm khắc gỗ ở chùa Thái lạc (Hưng Yên):

- Chùa được xây dựng ở thời Trần tại Hưng Yên, bị hư hỏng nhiều.
- Nội dung diễn tả chủ yếu là cảnh dâng hoa, tấu nhạc với nhân vật trung tâm là vũ nữ, nhạc công hay con chim thần thoại (nửa trên là người, nửa dưới là hình chim)....
- Bộ cục được thể hiện giống nhau. Các hình được sắp xếp cân đối nhưng không đơn điệu, buồn tẻ.
- Các đường nét tròn, mịn đã tạo sự êm đềm, yên tĩnh phù hợp với ko gian vừa thực vừa hư của những cảnh chùa, làm cho các bức chạm khắc thêm lung linh, sinh động.

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

- Học và trả lời theo các câu hỏi trong sgk.
- Chuẩn bị cho bài Vẽ theo mẫu. Mẫu vật cái cốc và quả, giấy vẽ

TUẦN 2- CÔNG NGHỆ 7

BÀI 2: KHÁI NIỆM VỀ ĐẤT TRỒNG VÀ THÀNH PHẦN CẦN ĐẤT TRỒNG

I. Khái niệm về đất trồng:

1. Đất trồng là gì?

Đất trồng là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ Trái Đất, trên đó thực vật có khả năng sinh sống và sản xuất ra sản phẩm.

Đất trồng là sản phẩm biến đổi của đá dưới tác động của các yếu tố khí hậu, sinh vật và con người, đất trồng có độ phì nhiêu tốt.

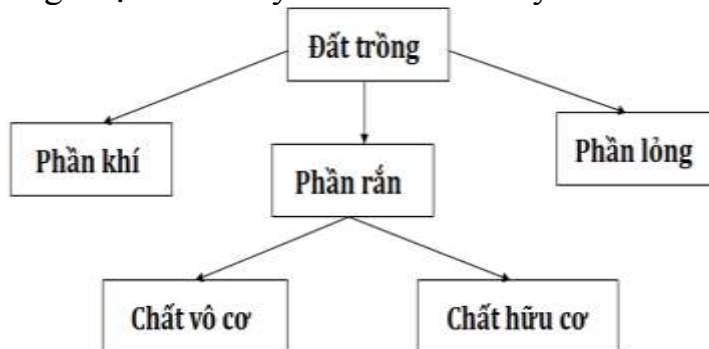
2. Vai trò của đất trồng

Quan sát hình 2 và trả lời câu hỏi: Trồng cây trong môi trường đất và môi trường nước có điểm gì giống và khác nhau?

Đất có vai trò đặc biệt đối với đời sống của cây trồng vì đất là môi trường cung cấp nước, chất dinh dưỡng, oxi cho cây và giữ cho cây đứng vững.

II. Thành phần của đất trồng:

Thành phần của đất trồng được trình bày ở sơ đồ dưới đây:



- Phần khí: Cung cấp Oxi cho cây hô hấp. (lượng oxi trong đất ít hơn lượng oxi trong khí quyển, lượng cacbonic thì nhiều hơn trong khí quyển cả trăm lần).

- Phần rắn: Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây. (nito, kali, photpho, những chất hữu cơ đơn giản và chất khoáng).

- Phần lỏng: Cung cấp nước, hòa tan các chất dinh dưỡng.

Dựa vào sơ đồ 1 và kiến thức Sinh học 6, em hãy điền vào vở bài tập vai trò từng thành phần của đất trồng theo mẫu bảng dưới đây.

Các thành phần của đất	Vai trò đối với cây trồng
Phần khí	Hô hấp với cây trồng.
Phần rắn	Cung cấp các chất dinh dưỡng.
Phần lỏng	Hoà tan các chất dinh dưỡng, cấp nước.

TUẦN 2- MÔN THỂ DỤC
Khối 7: Thể lực chung

**BÀI 2: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỤ LI NGẮN-
CHẠY BỀN**

- Luyện tập chạy bước nhỏ 1 phút x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 1 phút x 3 lần
- Chạy gót chạm mông 1 phút x 3 lần
- **Nhảy dây 4 phút x 3 lần**

**HỌC SINH TRẢ LỜI VÀ GHI VÀO VỎ, LÀM BÀI TẬP
(HOẶC TRẢ LỜI VÀO PHIẾU HỌC TẬP) CÁC NỘI DUNG NÀY**

Full name: _____ Class: 7A _____

WEEK 2 (13/9- 17/9/2021) ENGLISH 7

UNIT 1: B – Names and addresses

(B1,2)

VOCABULARY

- address /ə'dres/ (n) : địa chỉ
- miss /mɪs/ (v) : nhớ, nhớ
- nice /naɪs/ (adj) : vui
- fine /faɪn/ (adj) : tốt, khỏe
- pretty /'prɪti/ (adv) : khá
- unhappy /ʌn'hæpi/ (adj) : không hài lòng, không vui
- still /stɪl/ (adv) : vẫn
- family name (n): họ (=surname) / (last name)
- middle name (n): tên đệm, tên lót
- Where do you live? = What is your address?
 - I live on Tran Hung Dao street.
 - I live at 12 Tran Hung Dao street.

GRAMMAR:

I/Indefinite quantifiers - Từ chỉ số lượng bất định: Much, many, a lot of, lots of, plenty of : nhiều

1/ many – much (nhiều): được dùng ở câu phủ định (-) và nghi vấn(?).

* **Many: đứng trước danh từ đếm được, số nhiều.**

Ex: Hoa **doesn't** have **many** friends in Ha Noi. (Hoa không có nhiều bạn ở Hà Nội)

Do you have **many** English books? (Bạn có nhiều sách Tiếng Anh không?)

* **Much: đứng trước danh từ không đếm được.**

Ex: We **don't** have **much** time to waste.

Do you spend **much** money on clothes?

2 / a lot of - lots of - plenty of (nhiều): dùng trong câu xác định với cả danh từ đếm được và không đếm được.

Ex: We need a lot of/ lots of/ plenty of pens and pencils.

We need a lot of / lots of/ plenty of water .

Exercise: Complete these sentences with: “ *much, many, a lot / lots.*”

Ex: She doesn't have many friends.

1. My father never drinks _____ coffee for breakfast.

2. I don't have _____ time to read.

3. Her new school has _____ of students.

4. There are _____ of orange juice in the jar.
5. This hotel doesn't have _____ rooms.
6. He has _____ of money in his pocket.
7. You make too _____ mistakes in spelling.
8. She drinks _____ of tea.
9. Mary is lazy. She doesn't do _____ work.
10. I don't have _____ money, so I can't buy _____ things.

WEEK 2 (13/9- 17/9/2021) ENGLISH 7
UNIT 1: B – Names and addresses
(B4,5)

VOCABULARY:

- bus stop /bʌs stɒp/ (n) : trạm xe buýt
- different /'dɪfərənt/ (adj) : khác
- distance /'dɪstəns/ (n) : khoảng cách
- far /fɑː/ (adj/adv) : xa
- means /miːnz/ (n) : phương tiện
- transport /'trænspɔːt/ (n) : sự chuyển chở, vận tải
- lunch room /'lʌntʃ ruːm/ (n) : phòng ăn trưa
- market /'mɑː.kɪt/ (n) : (n) chợ
- movie /'muː.vi/ (n) : bộ phim
- survey /'sɜːveɪ/ (n) : cuộc điều tra

GRAMMAR

Question words - Từ hỏi

(A) Form		(Wh-questions with: What , Where, When , Why,...)
I.	Who	(ai)-chủ ngữ - hỏi về người
2.	Whom	(ai) - túc từ - hỏi về người
3.	Whose	(+ danh từ) (của ai): hỏi về sở hữu - hỏi về người
4.	What	(+ danh từ) (cái gì): hỏi về sự vật, đồ vật hay con vật.
5.	Which	(+ danh từ) (nào, cái nào trong nhiều cái): chỉ sự

		chọn lựa về đồ vật.
		sự vật hay con vật.
6.	Where	(đâu, ở đâu) hỏi về nơi chốn.
7.	When	(khi nào) hỏi về thời gian.
8.	Why	(tại sao) hỏi về nguyên nhân hay lý do.
9.	How	(thế nào, cách nào) hỏi về cách thức hay trạng thái.

B) Use (Cách dùng):

- Các từ hỏi thường đứng đầu câu hỏi, nó có thể là **chủ ngữ** (subject), **tân ngữ** (object) hay **bổ ngữ** (modifiers).

1. Question words as subject: (Từ hỏi làm chủ ngữ) là các từ What, Which, Who và Whose (+ danh từ):

Wh - word + (auxiliary verb) + main verb + object ?

(Từ hỏi) (trợ động từ) (động từ chính)

Ex: Who can do this exercise? (Ai có thể làm bài tập này?)

What is in your bag? (Cái gì trong túi xách của bạn?)

Whose pen is in the box? (Bút của ai trong hộp?)

2. Question words as object. (Từ hỏi làm túc từ) là các từ What, Which, Whom, Whose + danh từ:

Wh-word + auxiliary verb + subject + main verb + ... ?

(Từ hỏi) (trợ động từ) (chủ ngữ) (động từ chính)

Ex: What are you looking for? (Bạn đang tìm gì?)

Which book do you want? (Bạn cần quyển sách nào?)

Whose pen are you using? (Bạn đang dùng bút của ai?)

Whom/ Who does he want to see? (Anh ấy muốn gặp ai ?)

Who có thể thay cho Whom khi đứng đầu câu hỏi.

3. Question words as modifiers. (Từ hỏi làm bổ từ) là các từ When, Where, Why, How.

Wh - word + auxiliary verb + subject + main verb + ... ?

(Từ hỏi) (trợ động từ) (chủ từ) (động từ chính)

Ex: When does he start working? (Khi nào ông ấy bắt đầu làm việc?)

Where will you go? (Bạn sẽ đi đâu?)

How can we open the door? (Chúng tôi mở cửa bằng cách nào?)

*** How có thể kết hợp với 1 tính từ (adjective) hay 1 phó từ (adverb).**

Ex: How old is she? (Cô ấy mấy tuổi)

How fast can he swim? (Ông ấy có thể bơi nhanh thế nào?)

How : hỏi về khoảng cách

Exercise: Fill in the blanks with "Why, Who, How, How old, How far, What time"

Ex: What is your name? ~ My name's Trung.

1. _____ is your family name? ~ It's Nguyen.
2. _____ are you? ~ I'm thirteen.
3. _____ do you live? ~ On Nguyen Trai Street.
4. _____ do you live with? ~ My parents.
5. _____ is it from your house to school? ~ About three kilometers.
6. _____ do you go to school? ~ By bus.
7. _____ do you go to school? ~ At half past six.
8. _____ are you late? ~ Because I missed the bus.

WEEK 2 (13/9- 17/9/2021) ENGLISH 9

UNIT 1: B – Names and addresses

(B1,2)

1. Fill in the blanks and then answer the questions.

any go far still new with miss a lot of

My name is Nguyen Minh Trung. I am a (1) _____ student in class 7A. I am from Da Nang and my family (2) _____ live there. In Ho Chi Minh City, I live (3) _____ my grandparents at 21/ 3B Nguyen Trai Street. My new school is not (4) _____ from our house - about one kilometer, so I (5) _____ to school by bike. There are (6) _____ students in my new school. But I don't have (7) _____ friends. I am unhappy. I (8) _____ my parents, my sisters and my friends in Da Nang.

1. What is his full name?

2. Is he a new student?

3. Where is he from?

4. Who is he living with?

5. What is his address?

6. How far is it from his house to school?

7. How does he go to school?

8. Why is he unhappy?

2. **Write. Complete the dialogue.** (*Viết. Hoàn tất bài đối thoại*)

Nga : _____ is that?

Lan : That's Nam.

Nga : No. _____ is the girl talking to Miss Lien?

Lan : Her name's Hoa. She's a new student.

Nga : _____ class is she in?

Lan : She is in our class — class 7A.

Nga : _____ does she live?

Lan : She lives on Tran Hung Dao Street with her aunt and uncle.

Nga : _____ do her parents live?

Lan : They live in Hue.

Nga : She's tall. _____ old is she?

Lan : She's 13.

WEEK 2 (13/9- 17/9/2021) ENGLISH 9

UNIT 1: B – Names and addresses

(B4,5)

1. Matching

A

1. How are you?
2. Are you a new student?
3. What is his family name?
4. What is your address?
5. How do you go to school?
6. How far is it?
7. How is everything?
8. Who are you phoning to?

B

- | | |
|-----------------------------|----------|
| a. By bus. | 1. _____ |
| b. It's Tran. | 2. _____ |
| c. Fine, thanks. | 3. _____ |
| d. About one kilometer. | 4. _____ |
| e. It's OK now. | 5. _____ |
| f. 6B Dien Bien Phu Street. | 6. _____ |
| g. Yes, I am. | 7. _____ |
| h. My brother. | 8. _____ |

2. Đặt câu hỏi với “How far” và trả lời theo gợi ý.

Ex: your house/ bus stop// one kilometer

How far is it from your house to the bus stop?

It's (about) one kilometer.

1. school/ her house// 100 meters

2. post office/ movie theater// two kilometers

3. your house/ Ben Thanh market// five kilometers

4. bookstore/ restaurant// 500 meters

5. Lan's house/ zoo// three kilometers

6. your school/ library// one kilometer

3. Đặt câu hỏi với “How” và trả lời theo các từ gợi ý.

Ex1: Hoa/ go/ the museum// bike

How does Hoa go to the museum? She goes to the museum by bike.

Ex2: they/ travel/ work// bus

How do they travel to work ? They travel to work by bus.

1. Nam/ go/ the post office// bike

2. Nga and Lan/ go/ school// school bus

3. your father/ travel/ Ha Noi// plane

4. the children/ go/ the zoo// bus

5. you and your friends/ go/ the stadium // foot

TOÁN 7 – TUẦN 2**ĐẠI SỐ:****TIẾT 3: NHÂN, CHIA SỐ HỮU TỈ****I/ Nhân hai số hữu tỉ:**

Với: $x = \frac{a}{b}; y = \frac{c}{d}$, **ta có:**

$$x.y = \frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{a.c}{b.d}$$

VD: $\frac{-2}{5} \cdot \frac{4}{9} = \frac{-8}{45}$

II/ Chia hai số hữu tỉ:

Với: $x = \frac{a}{b}; y = \frac{c}{d} (y \neq 0)$, **ta có:**

$$x : y = \frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c}$$

VD: $\frac{-7}{12} : \frac{14}{15} = \frac{-7}{12} \cdot \frac{15}{14} = \frac{-5}{8}$

Chú ý:

Thương của phép chia số hữu tỉ x cho số hữu tỉ y (y ≠ 0) gọi là tỉ số của hai số x và y.

KH: $\frac{x}{y}$ hay x : y.

VD:

Tỉ số của hai số 1,2 và 2,18 là $\frac{1,2}{2,18}$

hay 1,2 : 2,18.

Tỉ số của $\frac{3}{4}$ và -1,2 là $\frac{\frac{3}{4}}{-1,2} = \frac{-3}{4,8}$ hay $\frac{3}{4} : (-1,2)$

III. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Học thuộc bài và làm các bài tập 11; 13; 16 TRANG 12 – 13 SGK

**TIẾT 4: GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ
CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA SỐ THẬP PHÂN**

I/ Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ :

Giá trị tuyệt đối của số hữu tỉ x , ký hiệu $|x|$, là khoảng cách từ điểm x đến điểm 0 trên trục số.

Ta có:

$$|x| = \begin{cases} x & \text{nếu } x \geq 0 \\ -x & \text{nếu } x < 0 \end{cases}$$

$$\text{VD : } x = \frac{1}{3} \Rightarrow |x| = \left| \frac{1}{3} \right| = \frac{1}{3}$$

$$x = -\frac{2}{5} \Rightarrow |x| = \left| -\frac{2}{5} \right| = \frac{2}{5}$$

$$x = -1,3 \\ \Rightarrow |x| = 1,3$$

Nhận xét : Với mọi $x \in \mathbb{Q}$, ta có:

$$|x| \geq 0, |x| = |-x| \text{ và } |x| \geq x$$

II/ Cộng, trừ, nhân, chia số thập phân:

1/ Thực hành theo các quy tắc về giá trị tuyệt đối và về dấu như trong Z.

VD 1:

$$\text{a/ } 2,18 + (-1,5) = 0,68$$

$$\text{b/ } -1,25 - 3,2 \\ = -1,25 + (-3,5) \\ = -4,75.$$

$$\text{c/ } 2,05 \cdot (-3,4) = -6,9$$

$$\text{d/ } -4,8 : 5 = -0,96$$

2/ Với $x, y \in \mathbb{Q}$, ta có:

$(x : y) \geq 0$ nếu x, y cùng dấu .

$(x : y) < 0$ nếu x, y khác dấu.

VD 2 :

$$\text{a/ } -2,14 : (-1,6) = 1,34$$

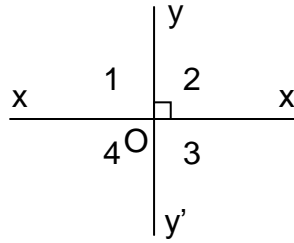
$$\text{b/ } -2,14 : 1,6 = -1,34 .$$

II. **Hướng dẫn:** Học thuộc bài, làm bài tập 17; 18; 20 trang 8 SGK

HÌNH HỌC:

Tiết 3: HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

1. Thế nào là hai đường thẳng vuông góc:



Ta có:

$$\hat{O}_1 = 90^\circ \text{ (gt)}$$

$$\hat{O}_2 + \hat{O}_1 = 180^\circ \text{ (kề bù)}$$

$$\Rightarrow \hat{O}_2 = 180^\circ - 90^\circ = 90^\circ$$

$$\hat{O}_3 = \hat{O}_1 \text{ (đđ)} \Rightarrow \hat{O}_3 = 90^\circ$$

$$\hat{O}_4 = \hat{O}_2 \text{ (đđ)} \Rightarrow \hat{O}_4 = 90^\circ$$

Định nghĩa: Sgk/84.

Ký hiệu: $xx' \perp yy'$

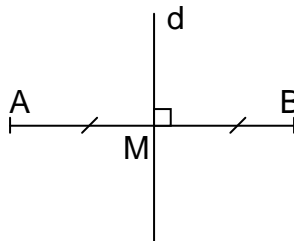
2. Vẽ hai đường thẳng vuông góc:

- * Điểm O nằm trên đường thẳng a.
- * Điểm O nằm ngoài đường thẳng a.

* Tính chất thừa nhận: Sgk/85

3. Đường trung trực của đoạn thẳng:

Định nghĩa: Sgk/85.



Đường thẳng d là đường trung trực của đoạn thẳng AB

4. Hướng dẫn về nhà

- Thuộc các định nghĩa về hai đường thẳng vuông góc, đường trung trực của đường thẳng
- Làm các bài tập: 12,13/86 Sgk.

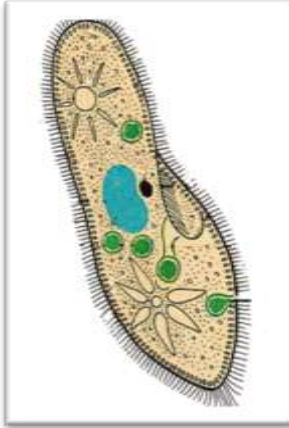
SINH 7- Tuần 2: (Từ 13/9/2021- 18/9/2021)
CHƯƠNG I: NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH
BÀI 3: THỰC HÀNH: QUAN SÁT MỘT SỐ ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

I. Quan sát trùng giày:

- Nơi sống: Váng cống rãnh hoặc bình nuôi cấy ĐVNS.

HS có thể tự nuôi cấy ĐVNS sử dụng nước ao, hồ cho vào bình có chứa rơm rạ. Sau 4 ngày xuất hiện váng, đều có trùng giày, quan sát chúng dưới kính hiển vi có độ phóng đại từ 100→300 lần.

a) Hình dạng: cơ thể hình khối không đối xứng giống chiếc giày



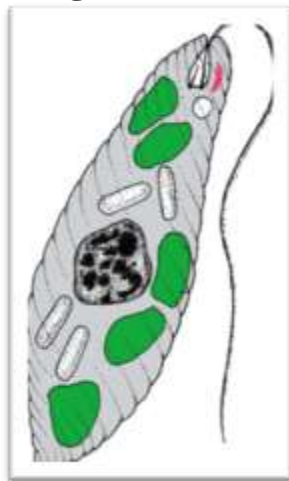
Trùng giày

b) Di chuyển: di chuyển nhờ lông bơi

II. Quan sát trùng roi:

-Nơi sống: ao, hồ hoặc nuôi cấy từ bèo Nhật Bản. Sau 3 ngày nuôi cấy sẽ có trùng roi. Quan sát chúng rõ nhất dưới kính hiển vi có độ phóng đại từ 300→400 lần.

a) Hình dạng: Hình lá dài, đầu tù, đuôi nhọn. Trong cơ thể thấy rõ các hạt diệp lục màu xanh lục và điểm mắt màu đỏ ở gốc roi.



Trùng roi

b) Di chuyển: Roi xoáy vào nước giúp cơ thể tiến về phía trước.

BÀI 4: TRÙNG ROİ

I. TRÙNG ROİ XANH

1. Cấu tạo và di chuyển:

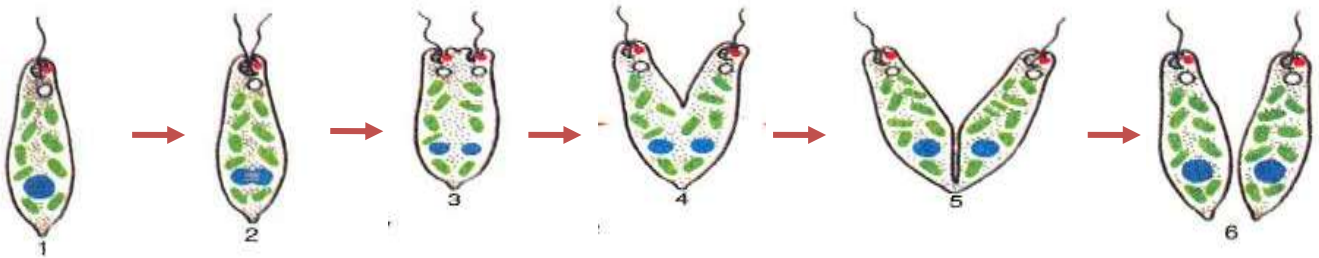
Cơ thể đơn bào di chuyển nhờ roi.

2. Dinh dưỡng:

- Khi có ánh sáng trùng roi dinh dưỡng bằng cách tự dưỡng vì trong cơ thể có chất diệp lục.
- Khi không có ánh sáng trùng roi dinh dưỡng bằng cách dị dưỡng: đồng hóa các chất hữu cơ có sẵn.
- Hô hấp: qua màng tế bào.
- Bài tiết: nhờ không bào co bóp.

3. Sinh sản:

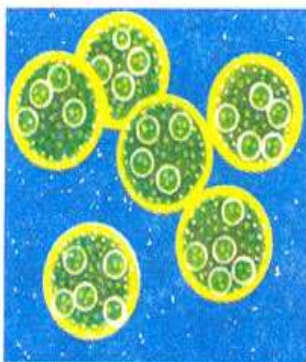
Sinh sản vô tính bằng cách phân đôi cơ thể theo chiều dọc.



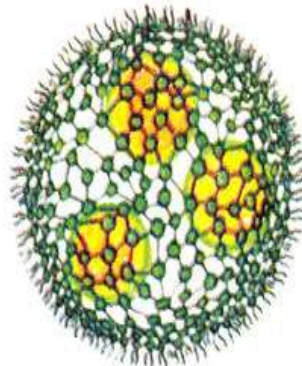
Các bước sinh sản phân đôi ở trùng roi

II. TẬP ĐOÀN TRÙNG ROİ

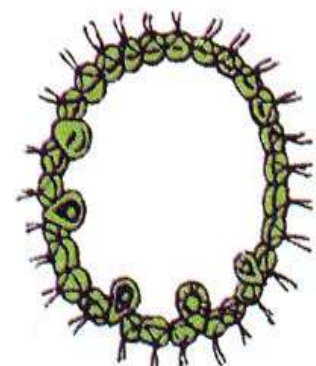
- Tập đoàn trùng roi gồm nhiều tế bào có roi, liên kết lại với nhau tạo thành.
- Ý nghĩa của tập đoàn : Chúng gợi ra mối quan hệ về nguồn gốc giữa động vật đơn bào và động vật đa bào.



Tập đoàn có hình cầu với hàng nghìn tế bào



Mỗi tập đoàn gồm các tế bào liên kết lại như mạng lưới



Ở lát cắt tập đoàn thấy rõ mỗi cá thể có 2 roi hướng ra ngoài

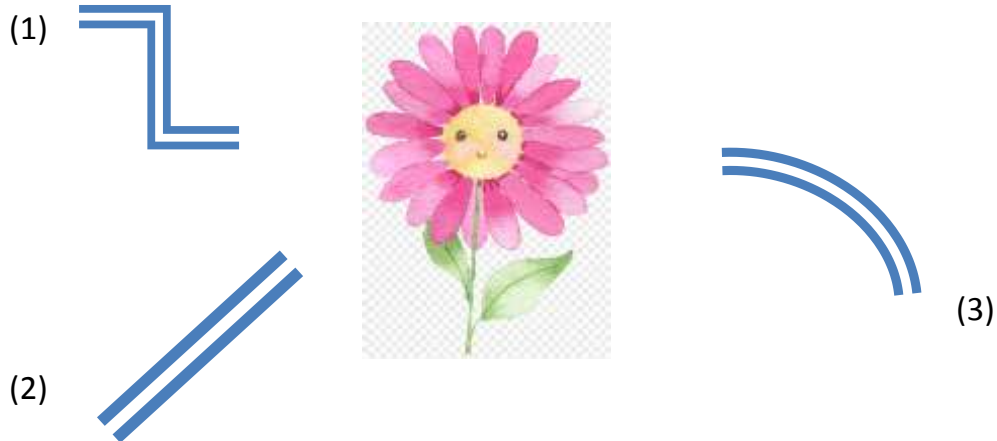
Hình 4.3. Cấu tạo tập đoàn trùng roi

Tuần 2
Môn: Vật lí 7
Chủ đề 2: SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu kiến thức:

- **Tìm hiểu Định luật truyền thẳng của ánh sáng:**

Em hãy cho biết trong những trường hợp sau, trường hợp nào mắt nhìn thấy bông hoa?



Nhận xét: Trong môi trường trong suốt, ánh sáng truyền theo đường gì?

Mở rộng: Trong nước, thủy tinh, nhựa trong suốt ánh sáng truyền theo đường gì?

- **Tìm hiểu tia sáng và các loại chùm sáng:**



Hình ảnh của tia sáng

Chùm sáng gồm nhiều tia sáng hợp thành



Nội dung cần ghi nhớ:

I. Định luật truyền thẳng của ánh sáng:

Trong môi trường trong suốt và đồng tính ánh sáng truyền theo đường thẳng.

II. Tia sáng – chùm sáng:

1. Tia sáng:

Ta quy ước biểu diễn đường truyền của ánh sáng trong môi trường trong suốt, đồng tính bằng một đường thẳng có mũi tên chỉ hướng, đường này được gọi là tia sáng

2. Chùm sáng:

- Chùm sáng gồm rất nhiều tia sáng hợp thành.

- Có 3 loại chùm sáng:

+ Chùm sáng hội tụ gồm các tia sáng tiến lại gần nhau

+ Chùm sáng phân kỳ gồm các tia sáng ra xa nhau

+ Chùm sáng song song gồm các tia sáng mà khoảng cách giữa chúng không đổi khi truyền đi

Hoạt động 2: Vận dụng:

1. Điền từ hay cụm từ thích hợp vào chỗ trống:

a. Định luật truyền thẳng của ánh sáng: “Trong môi trường và ánh sáng truyền đi”

b. Đường truyền của ánh sáng được biểu diễn bằng gọi là tia sáng.

c. Chùm sáng gồm các tia sáng không giao nhau trên đường truyền của chúng.

d. Chùm sáng hội tụ gồm các tia sáng trên đường truyền của chúng.

e. Chùm sáng phân kỳ gồm các tia trên đường truyền của chúng.

2. a. Em hãy kể tên các loại chùm sáng ?

b. Cho biết ánh sáng phát ra một chiếc đèn pin là chùm sáng loại gì ?

c. Vì sao khi ánh sáng truyền từ không khí vào nước, là 2 môi trường trong suốt, thì tia sáng bị gãy khúc, không truyền theo đường thẳng?

3. Em hãy cho biết chùm tia sáng của Mặt Trời chiếu đến Trái Đất là loại chùm tia sáng nào? Nêu đặc điểm của chùm tia sáng đó, vẽ hình minh họa.

4. a. Phát biểu định luật truyền thẳng của ánh sáng.

b. Tại sao trong lớp học người ta không gắn một bóng đèn ở giữa lớp, mà gắn nhiều bóng đèn ở nhiều vị trí khác nhau?

Tuần 3 (20/9/2021/24/9/2021)

GDCD KHỐI 7**A. NỘI DUNG GHI VỎ****BÀI 3: TỰ TRỌNG**

I. Truyện đọc: Sgk

II. Nội dung bài học

1. *Tự trọng là gì:*

- Tự trọng là biết coi trọng và giữ gìn phẩm cách, biết điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với các chuẩn mực xã hội.

- *Biểu hiện:* Cư xử đàng hoàng, đúng mực, biết giữ lời hứa và luôn làm tròn nhiệm vụ, không để người khác phải nhắc nhở chê trách

2. *Ý nghĩa:*

- Tự trọng là phẩm chất đạo đức cao quý và cần thiết của mỗi người

- Tự trọng giúp ta:

+ Có nghị lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Nâng cao phẩm giá, uy tín cá nhân.

+ Được sự quý trọng của mọi người.

* *Tục ngữ:*

- Chết vinh còn hơn sống nhục.

- Chết đứng còn hơn sống quỳ.

- Đói cho sạch, rách cho thơm.

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

1. Để trở thành người tự trọng, em cần rèn luyện như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

2. Vì sao cần phải tự trọng?

.....

.....

.....

.....

.....

3. Em hãy một số câu ca dao tục ngữ về tự trọng?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

LỊCH SỬ KHÔI 7

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN LỊCH SỬ PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 3 (TỪ 20/9-25/9)

1. Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học, ghi nội dung bài học, tự kiểm tra đánh giá quá trình tự học.

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề	TIẾT 4, Bài 4: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN (Mục 4+5+6)
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - HS ĐỌC SGK MỤC 4: “Trung Quốc thời Tống –Nguyên” TRANG 12-13 TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU: <ul style="list-style-type: none"> + Thay thế nhà Đường, nhà Tống đã ban hành các chính sách gì? Tác dụng của các chính sách trên? + Nhà Nguyên ở Trung Quốc được thành lập như thế nào? + Nhà Nguyên đã ban hành các chính sách như thế nào? - HS ĐỌC SGK MỤC 5: “Trung Quốc thời Minh Thanh” TRANG 13 TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày diễn biến chính trị của Trung Quốc từ sau nhà Nguyên đến nhà Thanh? + Xã hội, kinh tế cuối thời Minh và nhà Thanh có đặc điểm gì? - HS ĐỌC SGK MỤC 6: “Văn hóa-Khoa học-Kỹ thuật Trung Quốc thời Phong kiến” TRANG 13-14 TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày những thành tựu nổi bật về văn hoá Trung Quốc thời phong kiến? + Kể tên 1 số tác phẩm văn học lớn mà em biết? + Em có nhận xét gì về trình độ sản xuất đồ gốm qua H10? + Kể tên 1 số công trình kiến trúc lớn? + Quan sát H9, em có nhận xét gì? + Trình bày những hiểu biết của em về khoa học kỹ thuật của Trung Quốc?
<u>Hoạt động 2:</u> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<p><u>Phần I: Em hãy khoanh tròn vào đáp án em cho là đúng nhất:</u></p> <p><u>Câu 1.</u> Trung Quốc có 4 phát minh lớn đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> A. Gốm, giấy, la bàn, thuốc súng. B. La bàn, thuốc súng, thuyền, giấy. C. Giấy, la bàn, thuốc súng, nghề in. D. La bàn, thuốc súng, nghề in, thuyền.

	<p>Câu 2: Hệ tư tưởng và đạo đức chính thống của giai cấp phong kiến Trung Quốc là:</p> <p>A. Phật giáo. B. Đạo giáo. C. Lão giáo. D. Nho giáo.</p> <p>Câu 3. Vị vua đầu tiên của nhà Nguyên là:</p> <p>A. Tần Thủy Hoàng. B. Hốt Tất Liệt. C. Khang Hy. D. Càn Long.</p> <p>Câu 4. Tác giả của tác phẩm Tây Du Ký là:</p> <p>A. Thi Nại Am. B. La Quán Trung. C. Tào Tuyết Cần D. Ngô Thừa Ân.</p> <p><u>Phần 2: Tự luận</u></p> <p><u>Câu 1:</u> Chính sách cai trị của nhà Tống và nhà Nguyên có những điểm gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau đó?</p> <p><u>Câu 2:</u> Những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa dưới thời Minh Thanh được nảy sinh như thế nào?</p>
TIẾT 4, Bài 5: AN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN	
<p>Tên bài học/ Hoạt động 2: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</p>	<p>-HỌC SINH ĐỌC SGK LỊCH SỬ 7 MỤC 2 TRANG 16 TRẢ LỜI NHỮNG CÂU HỎI SAU:</p> <p>+ Từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX, Ấn Độ đã trải qua những vương triều nào?</p> <p>+ Nêu những nét chính về mỗi vương triều đó?</p> <p>+ Sự phát triển của Ấn Độ được đánh dấu là đặc sắc nhất dưới vương triều nào?</p> <p>-HỌC SINH ĐỌC MỤC 2: “Văn hóa Ấn Độ” SGK TRANG 17 và TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU:</p> <p>+ Chữ viết đầu tiên của người Ấn Độ là loại chữ gì? Dùng để làm gì?</p> <p>+ Kể tên các tác phẩm văn học nổi tiếng của Ấn Độ?</p> <p>+ Kiến trúc Ấn Độ có gì đặc sắc?</p>
<p><u>Hoạt động 2:</u> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p>+ Phần I: Trắc nghiệm khách quan</p> <p><u>Câu 1.</u> Chữ viết phổ biến của người Ấn Độ là gì?</p> <p>A. Chữ Hán B. Chữ Phạn C. Chữ La tinh D. Chữ Nôm</p> <p><u>Câu 2.</u> Tôn giáo phổ biến của Ấn Độ ngày nay là?(H)</p> <p>A. Đạo Hồi và Hin đư B. Đạo Thiên Chúa và Hin đư C. Đạo Bà La Môn và Hin đư D. Đạo Nho và Hin đư</p> <p><u>Câu 3.</u> Ấn Độ thời phong kiến trải qua những vương triều nào?</p> <p>A. Vương triều Gúp –ta, vương triều Mô – gôn, vương triều hồi giáo Đê-li B. Vương triều Gúp –ta, vương triều Hin - đư, vương triều hồi giáo</p>

- Có nhiều phát minh quan trọng: giấy viết, kỹ thuật in, la bàn, thuốc súng...
- Đóng tàu, khai mỏ, luyện kim...

BÀI 5: AN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

1. Những trang sử đầu tiên: (chỉ đọc sgk không ghi)

2. Ấn Độ thời phong kiến

a. Vương triều Gúp-ta (Thế kỉ IV-VI)

- Thống nhất, phục hưng và phát triển mọi mặt.

- Sử dụng công cụ sắt

- Nghề luyện kim phát triển.

- Nghề thủ công: dệt, chế tạo kim hoàn...

- Giữa thế kỉ V đầu thế kỉ VI bị diệt vong.

b. Vương triều Hồi giáo Đê-li (Thế kỉ XII-XVI)

- Lập đầu thế kỉ XII do người đạo Hồi Thổ Nhĩ Kỳ

- Chiếm ruộng đất, cấm đoán đạo Hindu

→ mâu thuẫn dân tộc gay gắt

c. Vương triều Hồi giáo Mô-gôn (Thế kỉ XVI-giữa thế kỉ XIX)

- Lập thế kỉ XVI do người Mông Cổ tấn công Ấn Độ

- Xóa bỏ kì thị tôn giáo, thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo; khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa.

- Giữa thế kỉ XIX trở thành thuộc địa Anh.

3. Văn hóa Ấn Độ

- Chữ viết: chữ Phạn

- Kinh: Vệ đà, Phật

- Sử thi: Mahabharata và Raymayana

- Kịch: Sơ-kun-tơ-la

- Kiến trúc: kiến trúc Hin-đu và kiến trúc Phật giáo.

3. Hướng dẫn học sinh ghi thắc mắc cần giáo viên giải đáp.

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
LỊCH SỬ	Bài 4: Trung Quốc thời Phong kiến (TT) Mục 4: Trung Quốc thời Tống -Nguyên Mục 5: Trung Quốc thời Minh Thanh Mục 6: Văn hóa-Khoa học , kỹ thuật Trung Quốc thời Phong kiến	1..... 2..... 3.....

	Bài 5: Ấn Độ thời Phong kiến 2.Ấn Độ thời phong kiếnXã hội Trung Quốc thời Tần-Hán 3.Văn hóa Ấn Độ	1..... 2..... 3.....
--	--	----------------------------

-----HẾT-----

ĐỊA LÝ KHỐI 7

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	BÀI 5 : ĐỐI NÓNG – MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM.
Hoạt động 1: tìm hiểu môi trường đới nóng	HS đọc SGK Địa lí 7. - Quan sát lược đồ các kiểu môi trường đới nóng . - Xác định phạm vi môi trường đới nóng . - Tại sao gọi là nội chí tuyến ? - Nêu các đặc điểm chủ yếu của đới nóng . - Kể tên các kiểu môi trường đới nóng .
Hoạt động 2: tìm hiểu môi trường xích đạo ẩm	- Xác định môi trường xích đạo ẩm . - Xác định Xingapo và nhận xét đường biểu diễn nhiệt độ , lượng mưa - Phân tích nhiệt độ, lượng mưa của Xingapo rút ra đặc điểm khí hậu môi trường xích đạo ẩm ? + Nhiệt độ (cao I ,thấp I , biên độ nhiệt) + Lượng mưa (cả năm , cao I , thấp I ..)

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

BÀI 5 : ĐỐI NÓNG – MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM.

Lưu ý: HS ghi nội dung bài học vào vở và điền vào chỗ chấm (...)

-Đới nóng :

- Nằm giữa liên tục từ
- Đặc điểm : Nhiệt độ quanh năm , có gió ,thực vật đa dạng , nơi đông dân
- Gồm 4 kiểu môi trường :
- +
- +
- +
- +

II- Môi trường Xích đạo ẩm :

1. Khí hậu :

- Nằm trong khoảng từ
- Đặc điểm :
- + Nhiệt độ quanh năm (trên 25°C) , biên độ nhiệt thấp 3°C .
- + Mưa, quanh năm (từ mm)
- + Độ ẩm rất cao trên

2. Rừng rậm xanh quanh năm :

- Rừng có nhiều dây leo phụ sinh
- Nhiều..... tán (có 4 tầng).

Bài 6 : MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI

3. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

<p>Hoạt động 1: tìm hiểu khí hậu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Qua sát bản đồ khí hậu thế giới . - Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới - Xác định vị trí Mala can và Gia mêná . - Quan sát hình 6.1 nhận xét về sự phân bố nhiệt độ và lượng mưa của Malacan và Gia mêná. ->Rút ra kết luận đặc điểm khí hậu đới nóng
<p>Hoạt động 2: tìm hiểu các đặc điểm khác của môi trường nhiệt đới.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phân hóa khí hậu theo thời gian có ảnh hưởng gì đến cảnh quan môi trường nhiệt đới ? - Sự phân hóa khí hậu theo không gian có ảnh hưởng gì đến cảnh quan môi trường nhiệt đới ? - Tại sao diện tích xa van ngày càng mở rộng ? - Quan sát hình 6.3 và 6.4 nhận xét sự thay đổi thực vật qua hai khu vực như thế nào? Giải thích - Đất đai vùng đồi núi của môi trường nhiệt đới có đặc điểm gì ? - Tại sao có màu như vậy ? - Đất đai vùng đồi núi có hiện tượng gì ?

4. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

1. Khí hậu :

- Nằm từ vĩ tuyến 5° đến ở cả hai bán cầu.
- Đặc điểm :
 - + Nhiệt độ cao , nóng (.....C), có hai thời kì tăng cao trong năm .
 - + Lượng mưa tập trung vào.....(từ mm).
 - + Càng gần chí tuyến thời kì càng kéo dài (..... tháng) và biên độ nhiệt trong năm càng lớn .

2. Các đặc điểm khác của môi trường nhiệt đới:

- Cảnh quan cũng thay đổi theo
- + Mùa mưa : của sông , thực vật
- + Mùa khô : của sông , thực vật
- Thực vật thay đổi theo lượng mưa :
 - + Từ xích đạo đến chí tuyến : rừng thưa , ,
 - + Vùng đồi núi có đất màu đỏ vàng .
- Là khu vực đông dân.

-----HẾT-----

NGŨ VĂN KHỐI 7

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGŨ VĂN 7 TUẦN 3 (TỪ 20/9-25/9)

A. NỘI DUNG GHI VỎ

Tiết 9: NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN.

I/. Đọc – tìm hiểu chung.

1. Đọc.
2. Từ khó.
3. Bài ca dao số 2 và 3:
 - Thể thơ: Lục bát.
 - PTBD: Biểu cảm.

II/. Đọc – hiểu bài ca dao:

1. Bài ca dao số 2: Lời người lao động thương cho thân phận những người khốn cùng và cũng là chính mình.
 - Điệp từ: thương thay → Môtíp quen thuộc => Tô đậm nỗi thương cảm xót xa, sự đồng cảm sâu sắc cho những cuộc đời vất vả, lận đận, cay đắng.
 - Con tằm, con kiến, con hạc, con cuốc → Hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng cho những người lao động thân phận bé mọn chịu nỗi khổ nhiều bề bị áp bức, bóc lột, chịu nhiều oan trái, cay đắng trong xã hội cũ.

=> *Phản ánh sinh động nỗi đau khổ, bất hạnh, cuộc sống vất vả lam lũ của người dân lao động trong xã hội cũ. → Lên án, tố cáo mạnh mẽ xã hội phong kiến đầy áp bức, bất công.*

2. Bài ca dao số 3: Bài ca dao nói về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa.

- Mở đầu cụm từ “thân em”: *Môtíp quen thuộc → Tô đậm thân phận → gọi sự đồng cảm.*
- Thân em – trái bầu → *hình ảnh so sánh miêu tả cụ thể thân phận nghèo khổ, đắng cay và nỗi khổ của người phụ nữ trong XHPK.*
- Trái bầu: *Hình ảnh ẩn dụ gọi sự liên tưởng tới thân phận nghèo khổ.*
- Thành ngữ: Gió dập sóng dồi → *gọi số phận chìm nổi lênh đênh, lận đận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.*

=> - *Phản ánh nỗi đau khổ, bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội cũ. → Lên án, tố cáo mạnh mẽ xã hội phong kiến đầy bất công.*

III/. Tổng kết: xem ghi nhớ (SGK - 49)

IV. LUYỆN TẬP

BT1/50 *Những điểm chung về nội dung, nghệ thuật của ba bài ca dao.*

- Nội dung: đều nói về cuộc đời, thân phận con người trong xã hội cũ. Đều có ý nghĩa than thân và ý nghĩa phản kháng, tố cáo xã hội phong kiến.
- Nghệ thuật: sử dụng thể thơ lục bát, hình ảnh so sánh quen, mô tuýp quen thuộc (thương thay, thân em) .

B. ☺ Phiếu học tập ở nhà:

Bài 1: Sưu tầm thêm những câu hát than thân bắt đầu bằng cụm từ “thân em”?

Bài 2: Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Những câu hát than thân đã thể hiện cuộc đời, số phận của người nông dân ngày xưa như thế nào?

- A. Suốt đời lao động khổ cực mà cuộc sống vẫn nghèo khổ.
- B. Số phận cuộc đời nghèo khổ phải tha phương, phiêu bạt để kiếm sống.
- C. Suốt cuộc đời nhẫn nhục chịu đựng muôn nỗi đắng cay, khổ cực.
- D. Thân phận làm nô lệ suốt đời bị bóc lột tận xương.

Câu 2. Xác định ý nghĩa của điệp ngữ “Thương thay” trong bài ca dao số 2

- A. Nhấn mạnh nỗi khổ của người nông dân ngày xưa.
- B. Phản ánh chân thật nỗi khổ của người nông dân ngày xưa.
- C. Lên án nỗi khổ của người nông dân ngày xưa.
- D. Đồng cảm sâu sắc với thân phận người nông dân ngày xưa.

Câu 3. Những con vật được nhắc đến trong bài ca dao thứ 2 có đặc điểm chung nào?

- A. Chăm chỉ kiếm mồi.
- B. Có thân phận nhỏ bé, vất vả, đáng thương
- C. Có thể bay đi kiếm mồi.
- D. Thân thiện với con người

Câu 4. Hình ảnh con tằm trong câu ca dao số 2 nói đến cuộc đời, thân phận của những ai trong xã hội ngày xưa?

- A. Thân phận thấp cổ bé họng với nỗi khổ, nỗi đau oan trái suốt đời.
- B. Những cuộc đời nô lệ, suốt đời bị bóc lột sức lao động
- C. Những nhỏ nhoi thân phận vất vả, khổ cực suốt đời mà vẫn nghèo khổ.
- D. Những cuộc đời lận đận, phiêu bạt tha phương để kiếm sống.

Câu 5. Điền vào chỗ trống:

Thân em như

Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen.

A. Củ ấu gai

B. Quả xoài

C. Lá đài

D. bí

A. NỘI DUNG GHI VỞ

Tiết 10: NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM .

I/. Đọc - hiểu chú thích

1. Đọc.
2. Từ khó.
3. Bài ca dao số 1 và 2:
 - Thể thơ: lục bát.
 - PTBD: biểu cảm.

II/. Đọc hiểu văn bản

1. Bài ca dao số 1: Giới thiệu chân dung chú tôi:

- Phép liệt kê (tửu, tằm, nước chè đặc, năm ngũ trưa,...).
- Hình thức nói ngược (hay, ước).
- Từ ngữ mỉa mai, giọng điệu nhẹ nhàng, bỡn cợt.

=> *Bài ca dao giễu cợt, châm biếm nhân vật chú tôi. Qua đó, chế giễu hạng người lười biếng, nghiện ngập.*

2. Bài ca dao số 2: Lời thầy bói nói với người đi xem bói.

- Sử dụng hình thức nói dựa, nói nước đôi những chuyện hệ trọng, sự hiển nhiên. → Lời phán vô nghĩa, nực cười. => Lật tẩy bộ mặt lừa đảo của thầy bói.
 - Giọng thơ nhẹ nhàng liên mạch, cách nói phóng đại.
- => *Bài ca dao châm biếm, phê phán những kẻ hành nghề mê tín dốt nát, lừa bịp, lợi dụng lòng tin của người khác để kiếm tiền. Đồng thời châm biếm thói mê tín mù quáng của những người ít hiểu biết tin vào bói toán, phản khoa học.*

III/. Tổng kết: xem ghi nhớ (SGK - 53)

IV/. LUYỆN TẬP

Những điểm giống nhau giữa câu hát châm biếm và truyện cười dân gian:

Giống truyện cười dân gian:

- + Đề có nghệ thuật châm biếm, đả kích, gây cười.
- + Đề sử dụng phép ẩn dụ, tương phản, phóng đại.

B. ☺ Phiếu học tập ở nhà:

Bài 1: Tìm, sưu tầm thêm ba câu hát châm biếm và nêu ngắn gọn nhận xét chung của em về bài ca dao đó.

Bài 2:

*Cậu cai nón dẫu lông gà
Ngón tay đeo nhẫn gọi là cậu cai
Ba năm được một chuyến sai
Áo ngắn đi mượn quần dài đi thuê.*

Những câu ca dao trên nằm trong bài ca dao nào?

- A. Những câu hát về tình cảm gia đình.
- B. Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước con người.
- C. Những câu hát châm biếm.

D. Những câu hát than thân.

A. NỘI DUNG GHI VỎ

Tiết 11: Từ láy

I. Các loại từ láy.

* Phân tích ngữ liệu sgk/41

- Đăm đăm: các tiếng lặp lại hoàn toàn (*Giống nhau cả âm đầu và vần*)

- Bần bật

- Thăm thẳm

- Mếu máo: lặp lại phụ âm đầu.

- Liều xiêu: lặp lại phần vần. } → láy bộ phận. (lặp lại 1 bộ phận)

=> Có 2 loại từ láy: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận.

II. Nghĩa của từ láy

* Phân tích ngữ liệu: SGK/42

- Ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu, lộp cộp → *Mô phỏng âm thanh, tiếng kêu, tiếng động của người, con vật, sự vật.* => *Từ tượng thanh.*- Lí nhí, li ti, ti hí → *Gọi tả những âm thanh, hình dáng nhỏ bé.*- Nhấp nhô, phập phồng, bập bênh → *Gọi tả những hình ảnh, động tác lên xuống một cách liên tiếp*=> *Nghĩa của từ láy tạo thành nhờ đặc điểm âm thanh và sự hoà âm phối thanh giữa các tiếng.*- *Mềm mại* có sắc thái nhấn mạnh hơn so với so với tiếng gốc *mềm*.- *Đo đo*: Sắc thái nghĩa giảm nhẹ hơn (nhạt hơn) so với tiếng gốc *đỏ*.=> *Nghĩa của từ láy có thể giảm nhẹ hoặc nhấn mạnh hơn so với tiếng gốc.*

* Ghi nhớ (SGK-42)

III. Luyện tập

Bài tập 1

Từ láy toàn bộ: Bần bật, thăm thẳm, chiến chiến, chiêm chiêm.

Từ láy bộ phận: Nức nở, tức tưởi, rón rén, lặng lẽ, rục rờ, nhảy nhót, nặng nề.

Bài tập 4

VD:

- Cô ấy có dáng người nhỏ nhắn, trông thật dễ thương.

- Cậu đừng nghĩ những chuyện nhỏ nhặt ấy nữa.

B. 😊 Phiếu học tập ở nhà:

BT Viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) kể lại kỉ niệm ngày đầu tiên vào lớp 7, có sử dụng từ láy và từ ghép, gạch chân dưới các từ đó.

A. NỘI DUNG GHI VỎ

Tiết 12: LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN.

I/. Ôn lại kiến thức cũ.

Các bước tạo lập văn bản.

- Định hướng chính xác.

- Tìm ý, sắp xếp ý → bố cục rành mạch.
- Diễn đạt các ý thành câu, đoạn.
- Kiểm tra.

II. Thực hành tạo lập VB:

Đề bài:

Viết thư cho 1 người bạn để người bạn hiểu về đất nước mình.

Bước 1: Định hướng văn bản

- Đối tượng tiếp nhận văn bản: một người bạn ở nước ngoài .
- Mục đích ở văn bản: Giới thiệu để bạn hiểu hơn về đất nước mình.
- Nội dung viết:
 - + Truyền thống lịch sử, phong tục tập quán, nét đặc sắc về văn hoá; cảnh đẹp thiên nhiên
- Cách viết:
 - + Hình thức: 1 bức thư
 - + PTBD: Biểu cảm + tự sự + miêu tả + thuyết minh.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

a. Đầu thư:

- Địa điểm ...ngày tháng... năm ...
- Chọn cách xưng hô phù hợp
- Nêu lí do viết thư.

b. Nội dung thư :

- Lời hỏi thăm về bạn, đất nước bạn.
- Giới thiệu với bạn về cảnh đẹp đất nước mình:
 - + Đó là những cảnh đẹp nào? (Hạ Long) ở đâu? (Quảng Ninh)
 - + Những cảnh đẹp đó có những nét đặc sắc nào?
 - + Giá trị của những cảnh đẹp đó?
- Kết hợp: miêu tả + biểu cảm

c. Cuối bức thư :

- Gửi lời chào, lời chúc, lời hứa.
- Gợi lí do để bạn nhớ đến nước mình. Mời bạn đến thăm nước mình.

Bước 3: Tạo lập văn bản

- a. Viết phần đầu thư
- b. Viết phần chính bức thư
- c. Viết phần cuối bức thư

Bước 4: Kiểm tra.

B. ☺ Phiếu học tập ở nhà:

BT Em hãy viết thư cho một người bạn ở phương để người bạn hiểu về đất nước mình.

.....

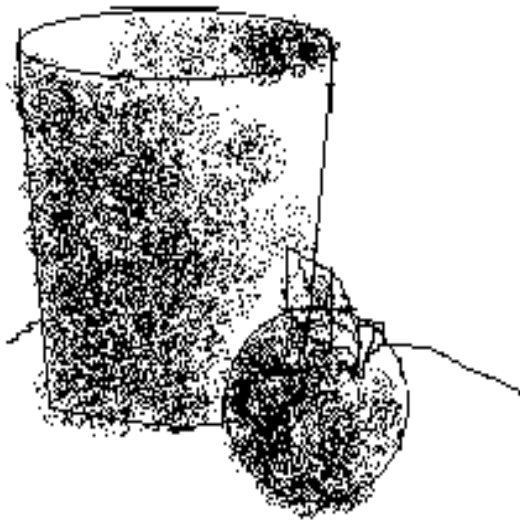
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Khối 7: Tuần 3- Tiết 3 Bài 3: - Âm nhạc thường thức: NHẠC SĨ HOÀNG VIỆT và BÀI HÁT NHẠC RỪNG
	<p>1.Nhạc sĩ Hoàng Việt (1928-1967) Tên khai sinh của ông là Lê Trí Trực, ông sinh năm 1928, quê ở xã An Hữu, huyện Cái bè, tỉnh Tiền Giang. Nhạc sĩ là tác giả của những bài hát nổi tiếng như: <i>Lên ngàn, Lá xanh, Mùa lúa chín, Tình ca...</i>tác phẩm <i>Quê hương</i> là bản giao hưởng đầu tiên của nền âm nhạc VN hiện đại. Ông mất 1967. Năm 1996, ông được nhà nước truy tặng Giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật</p> <p>2.Bài hát Nhạc rừng <i>Nhạc rừng</i> của Hoàng Việt được viết trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Bài hát viết ở nhịp $\frac{3}{4}$, âm nhạc vui tươi, trong sáng, nhịp nhàng thể hiện vẻ đẹp của rừng miền Đông Nam Bộ. Bài hát như bức tranh của thiên nhiên với những tiếng chim, tiếng suối, tiếng lá rừng... hòa với nhau tạo nên 1 bản nhạc rừng bất tận, đặc biệt là hình ảnh các anh bộ đội tuổi trẻ lạc quan,yêu đời, say mê ca hát và rất anh dũng chiến đấu chống kẻ thù. Bài hát cho đến nay vẫn có sức sống lâu bền trong sinh hoạt ca nhạc của nhân dân ta.</p>
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<ul style="list-style-type: none"> - Hãy nêu những nét chính về lĩnh vực sáng tác đóng góp cho nền âm nhạc VN của nhạc sĩ Hoàng Việt - Nghe và vận động theo nhạc bài hát Nhạc rừng - Nêu cảm nhận của em về bài hát Nhạc rừng

Bài 3: Vẽ theo mẫu **CÁI CỐC VÀ QUẢ** (vẽ bằng bút chì đen)

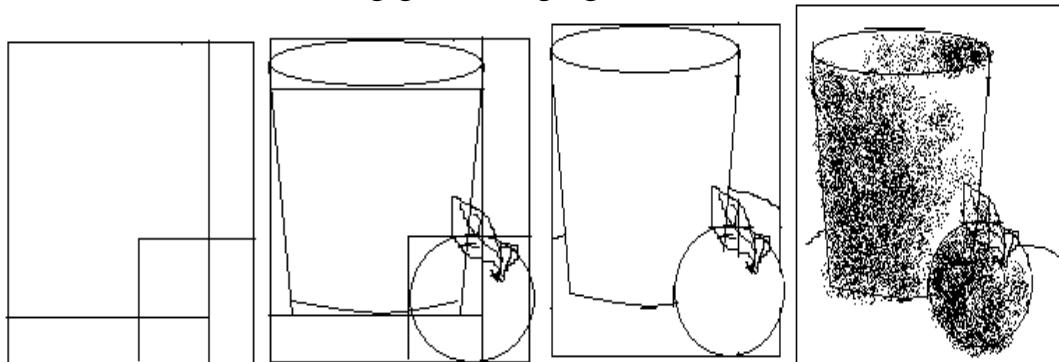
I. Quan sát, nhận xét

Quan sát, nhận xét về: hình dáng, cấu tạo, vị trí, tỉ lệ, bố cục của mẫu.



II. Cách vẽ (4 bước)

- Vẽ phác khung hình chung và riêng.
- Kẻ trục đối xứng và ước lượng tỉ lệ từng phần của vật mẫu
- Vẽ phác nét chính.
- Vẽ chi tiết (vẽ hình).
- + Vẽ phác mảng đậm nhạt
- + Vẽ đậm nhạt.
- + Diễn tả màu nền, không gian, bóng ngã.



III. Thực hành

- Thực hành vẽ mẫu cốc và quả đang bày trước mặt trên giấy bằng chì đen.



Bài 3: Một số tính chất của đất trồng

I. Thành phần cơ giới của đất là gì:

Thành phần cơ giới của đất được tạo nên bởi: tỉ lệ % các thành phần vô cơ và hữu cơ.

Căn cứ vào tỉ lệ các loại hạt trong đất, người ta chia đất làm 3 loại chính: đất cát, đất thịt, đất sét. Giữa các loại đất này còn có các loại đất trung gian như: đất cát pha, đất thịt nhẹ, ...

II. Thế nào là độ chua, độ kiềm của đất?

Độ chua, độ kiềm của đất được đo bằng độ pH. Trị số pH dao động từ 0 đến 14.

- Đất thường có trị số pH từ 3 đến 9.

- Người ta xác định đất chua, kiềm và trung tính để có kế hoạch sử dụng và cải tạo.

III. Khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất:

Đất có khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng là nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn. Đất chứa nhiều hạt có kích thước càng bé, đất càng chứa nhiều mùn, khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng càng tốt.

Em hãy điền vào vở bài tập dấu x vào cột tương ứng về khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của từng loại đất theo mẫu bảng sau:

Đất	Khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng		
	Tốt	Trung bình	Kém
Cát			x
Thịt		x	
Sét	x		

IV. Độ phì nhiêu của đất là gì?

Độ phì nhiêu là khả năng của đất cung cấp đủ nước, oxi và chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng đảm bảo năng suất cao, và không có chất có hại cho cây gọi là độ phì nhiêu của đất.

Độ phì nhiêu của đất là một trong những yếu tố quyết định năng suất cây trồng.

Muốn cho cây trồng có năng suất cao phải có đủ các điều kiện: giống tốt, chăm sóc tốt và thời tiết thuận lợi.

BÀI 2: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỰ LI NGẮN- CHẠY BỀN

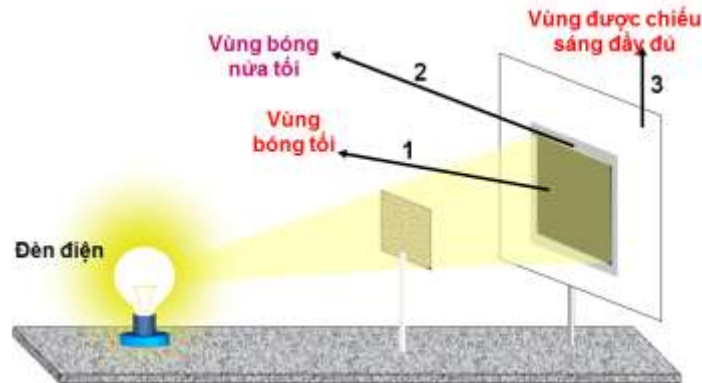
- Luyện tập chạy bước nhỏ 1 phút 10 giây x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 1 phút 10 giây x 3 lần
- Chạy gót chạm mông 1 phút 10 giây x 3 lần
- **Nhảy dây 4 phút x 3 lần**

Lý 7 – Tuần 3

CHỦ ĐỀ 3: ỨNG DỤNG ĐỊNH LUẬT TRUYỀN THẲNG CỦA ÁNH SÁNG

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu kiến thức:

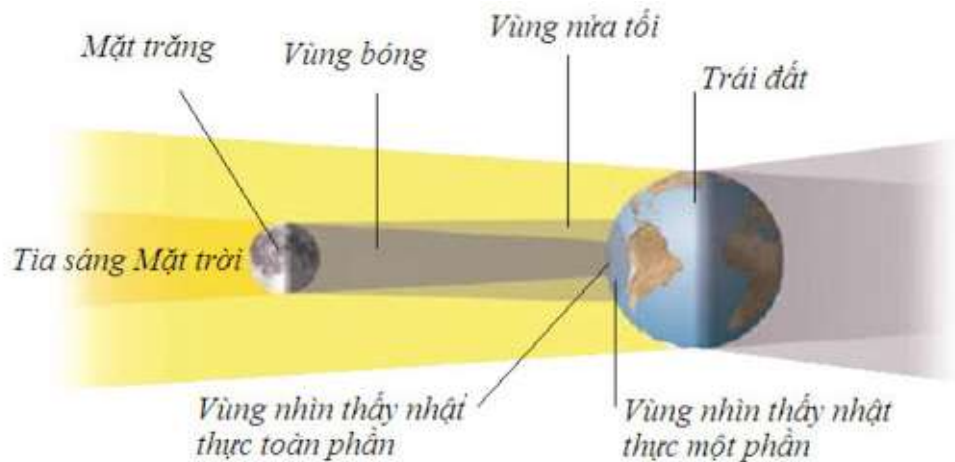
1. Bóng tối – bóng nửa tối:

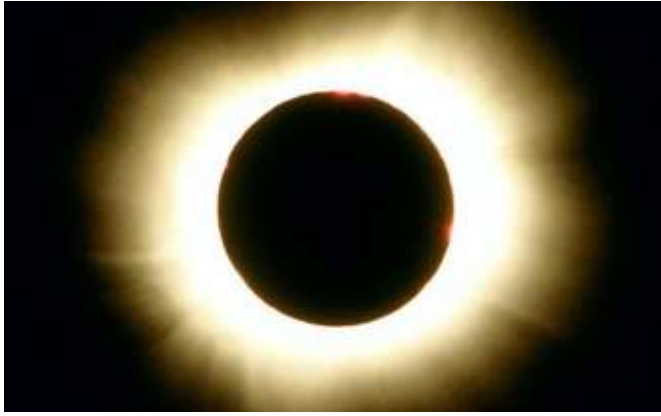


Bóng tối là vùng phía sau vật cản không nhận được ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới

Bóng nửa tối là vùng phía sau vật cản nhận được một phần ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới

2. Nhật thực – Nguyệt thực:





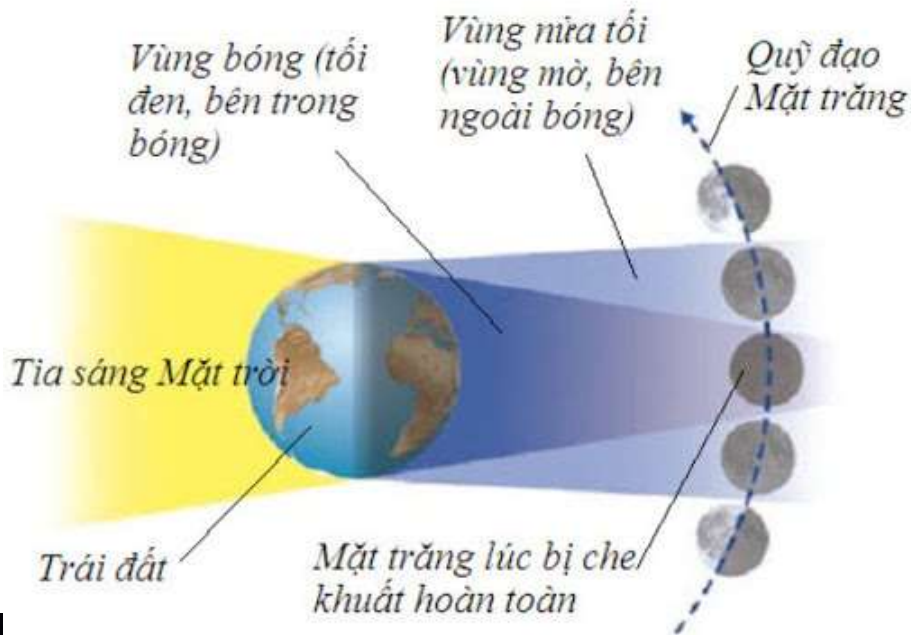
Nhật thực là hiện tượng mặt trời ban ngày bị mặt trăng che khuất một phần hoặc gần như hoàn toàn.

.....Đ

ứng tại nơi bóng tối, ta thấy mặt trời bị mặt trăng che khuất gần như hoàn toàn và ta nói rằng có nhật thực toàn phần.

.....Đ

ứng tại nơi bóng nửa tối, ta thấy mặt trời bị mặt trăng che khuất một phần và ta nói rằng có nhật thực một phần.



Nguyệt thực
tượng Mặt



là hiện
trăng

tròn ban đêm bị Trái Đất dần che khuất, không được mặt trời chiếu sáng.

.....K
hi một phần mặt trăng ở trong vùng bóng tối của Trái đất ta thấy nguyệt thực một phần.

.....K
hi toàn bộ mặt trăng ở trong vùng bóng tối của Trái đất ta thấy nguyệt thực toàn phần.

Hoạt động 2: Vận dụng:

Chọn đáp án đúng trong những câu sau:

1. **Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng nhật thực?**
 - A. Mặt Trời ngừng phát ra ánh sáng
 - B. Mặt Trời bỗng nhiên biến mất.
 - C. Mặt Trời bị Mặt Trăng che khuất nên ánh sáng Mặt Trời không đến được mặt đất.
 - D. Người quan sát đứng ở nửa sau Trái Đất, không được Mặt Trời chiếu sáng.

2. **Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng nguyệt thực?**
 - A. Mặt Trăng bị gấu trời ăn
 - B. Mặt phản xạ của Mặt Trăng không hướng về phía Trái Đất nơi ta đang đứng
 - C. Mặt Trăng bỗng ngưng phát sáng
 - D. Trái Đất chắn không cho ánh sáng Mặt Trời chiếu tới Mặt Trăng.

3. **Đứng trên mặt đất, trường hợp nào dưới đây ta thấy có nhật thực?**
 - A. Ban đêm, khi Mặt Trời bị nửa kia của Trái Đất che khuất nên ánh sáng Mặt Trời không đến được nơi ta đứng.
 - B. Ban ngày, khi Mặt Trăng che khuất Mặt Trời, không cho ánh sáng Mặt Trời chiếu xuống mặt đất nơi ta đứng.
 - C. Ban ngày, khi Trái Đất che khuất Mặt Trăng
 - D. Ban đêm, khi Trái Đất che khuất Mặt Trăng

4. **Đứng trên mặt đất, trường hợp nào dưới đây ta thấy có nguyệt thực?**
 - A. Ban đêm, khi nơi ta đứng không nhận được ánh sáng Mặt Trời.
 - B. Ban đêm, khi Mặt Trăng không nhận được ánh sáng Mặt Trời vì bị Trái Đất che khuất.
 - C. Khi Mặt Trời che khuất Mặt Trăng, không cho ánh sáng từ Mặt Trăng tới Trái Đất.
 - D. Khi Mặt Trăng che khuất Mặt Trời, ta chỉ nhìn thấy phía sau Mặt Trăng tối đen.

5. **Ta quan sát thấy gì khi nơi ta đứng trên mặt đất nằm trong bóng tối của Mặt Trăng?**
 - A. Trời bỗng sáng bừng lên.
 - B. Xung quanh Mặt Trăng xuất hiện cầu vồng.
 - C. Phần sáng của Mặt Trăng bị thu hẹp dần rồi mất hẳn
 - D. Trời bỗng tối sầm như Mặt Trời biến mất.

6. **Đặt một ngọn nến trước một màn chắn sáng. Để mắt trong vùng bóng nửa tối, ta quan sát ngọn nến thấy có gì khác so với khi không có màn chắn?**
 - A. Ngọn nến sáng yếu hơn.
 - B. Ngọn nến sáng mạnh hơn

- C. Không có gì khác
- D. Chỉ nhìn thấy một phần của ngọn nến.

7. Đêm rằm, ta quan sát thấy gì khi Mặt Trời đi vào bóng tối của Trái Đất?

- A. Mặt Trăng bùng sáng lên rồi biến mất.
- B. Phần sáng của Mặt Trăng bị thu hẹp dần rồi mất hẳn.
- C. Mặt Trăng to ra một cách khác thường
- D. Trên mặt đất xuất hiện một vùng tối.

8. Khi có nhật thực toàn phần, ở mặt đất ta thấy:

- A. Một phần của mặt trời chưa bị che khuất.
- B. Mặt trời bị che khuất hoàn toàn và không nhìn thấy bất kỳ tia sáng nào của mặt trời
- C. Mặt trời bị che khuất hoàn toàn và nhìn thấy các tai lửa xung quanh mặt trời.
- D. Một phần của mặt trời chưa bị che khuất và nhìn thấy các tai lửa xung quanh mặt trời.

TOÁN 7 – TUẦN 3

ĐẠI SỐ:

Tiết 5: LUYỆN TẬP

Bài 1: Thực hiện phép tính:

$$1/ \frac{-2}{5} - \frac{-3}{11} = \frac{-22+15}{55} = \frac{-7}{55}$$

$$2/ \frac{-5}{9} : \frac{-7}{18} = \frac{-5}{9} \cdot \frac{18}{-7} = \frac{-10}{7}$$

$$3/ \frac{-7}{12} : \frac{5}{18} = \frac{-7}{12} \cdot \frac{18}{5} = -2,1$$

$$4/ \frac{2}{3} + \frac{3}{4} \cdot \left(\frac{-4}{9}\right) = \frac{2}{3} + \frac{-1}{3} = \frac{1}{3}$$

$$5/ 2\frac{3}{11} \cdot 1\frac{1}{12} \cdot (-2,2) = -5\frac{5}{12}$$

$$6/ \left(\frac{3}{4} - 0,2\right) \cdot \left(0,4 - \frac{4}{5}\right) = \frac{-11}{50}$$

Bài 2: Tính nhanh

$$1/ (-2,5 \cdot 0,38 \cdot 0,4) - [0,125 \cdot 3,15 \cdot (-8)]$$

$$= (-2,5 \cdot 0,4 \cdot 0,38) - [0,125 \cdot (-8) \cdot 3,15]$$

$$= -0,38 - (-3,15) = 2,77$$

$$2/ \frac{-2}{5} \cdot \frac{7}{9} + \frac{-2}{5} \cdot \frac{2}{9}$$

$$= \frac{-2}{5} \cdot \left(\frac{7}{9} + \frac{2}{9}\right) = \frac{-2}{5}$$

$$3/ \frac{11}{18} \cdot \frac{7}{12} - \frac{7}{12} \cdot \frac{-7}{18}$$

$$= \frac{7}{12} \cdot \left(\frac{11}{18} - \frac{-7}{18}\right) = \frac{7}{12}$$

$$4/ \frac{1}{8} \cdot \frac{-3}{5} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{8} + \frac{3}{4} \cdot \frac{-8}{5}$$

$$= \frac{-3}{5} \cdot \left(\frac{1}{8} + \frac{5}{8}\right) + \frac{3}{4} \cdot \frac{-8}{5}$$

$$= \frac{3}{4} \cdot \left(\frac{3}{5} + \frac{-8}{5}\right) = \frac{-3}{4}$$

Bài 22 : (SGK) Xếp theo thứ tự lớn dần:

Ta có:

$$0,3 > 0 ; \frac{4}{13} > 0 , \text{ và } \frac{4}{13} > 0,3 .$$

$$\frac{-5}{6} < 0 ; -1\frac{2}{3} < 0 ; -0,875 < 0 \text{ và:}$$

$$-1\frac{2}{3} < -0,875 < \frac{-5}{6} .$$

Do đó:

$$-1\frac{2}{3} < -0.875 < \frac{-5}{6} < 0 < 0,3 < \frac{4}{13}$$

Bài 23 : (SGK) So sánh:

a/ Vì $\frac{4}{5} < 1$ và $1 < 1,1$ nên : $\frac{4}{5} < 1 < 1,1$

b/ Vì $-500 < 0$ và $0 < 0,001$ nên :
 $-500 < 0,001$

c/ Vì $\frac{-12}{-37} < \frac{12}{36} = \frac{1}{3} = \frac{13}{39} < \frac{13}{38}$ nên $\frac{-12}{-37} < \frac{13}{38}$

Tiết 6: LŨY THỪA CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ

1/ Luỹ thừa với số mũ tự nhiên:

Định nghĩa:

Luỹ thừa bậc n của một số hữu tỷ x , ký hiệu x^n , là tích của n thừa số x (n là một số tự nhiên lớn hơn 1)

$$x^n = \underbrace{x \cdot x \cdot \dots \cdot x}_{n \text{ thừa số}} \quad (x \in \mathbf{Q}, n \in \mathbf{N}, n > 1)$$

Khi $x = \frac{a}{b}$ ($a, b \in \mathbf{Z}, b \neq 0$)

ta có: $\left(\frac{a}{b}\right)^n = \frac{a^n}{b^n}$

Quy ước: $x^1 = x$
 $x^0 = 1$ ($x \neq 0$)

2/ Tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số:

a/ Tích của hai luỹ thừa cùng cơ số:

Với $x \in \mathbf{Q}, m, n \in \mathbf{N}$,
 Ta có: $x^m \cdot x^n = x^{m+n}$

VD :

$$\left(\frac{1}{2}\right)^2 \cdot \left(\frac{1}{2}\right)^3 = \left(\frac{1}{2}\right)^5 = \frac{1}{32}$$

$$(1,2)^3 \cdot (1,2)^4 = (1,2)^7$$

b/ Thương của hai luỹ thừa cùng cơ số:

Với $x \in \mathbf{Q}, m, n \in \mathbf{N}, m \geq n$
 Ta có: $x^m : x^n = x^{m-n}$

VD :

$$\left(\frac{2}{3}\right)^5 : \left(\frac{2}{3}\right)^3 = \left(\frac{2}{3}\right)^2 = \frac{4}{9}$$

$$(0,8)^3 : (0,8)^2 = 0,8$$

3/ Luỹ thừa của luỹ thừa :

Công thức: Với $x \in \mathbf{Q}$, ta có: $(x^m)^n = x^{m \cdot n}$

?4

$$a) \left[\left(\frac{-3}{4} \right)^3 \right]^2 = \left(-\frac{3}{4} \right)^6$$

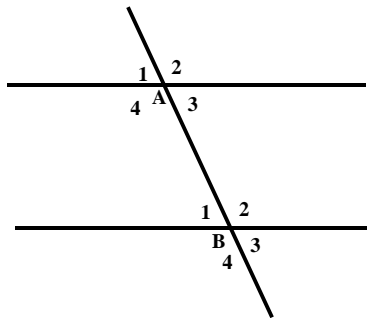
$$b) \left[(0,1)^4 \right]^2 = (0,1)^8$$

4. Hướng dẫn: Học thuộc định nghĩa lũy thừa của một số hữu tỷ, thuộc các công thức .
Làm bài tập 27;28; 30 SGK Trang 19.

HÌNH HỌC:

Tiết 5: CÁC GÓC TẠO BỞI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CẮT HAI ĐƯỜNG THẲNG

1.Góc so le trong. Góc đồng vị:



Các góc so le trong

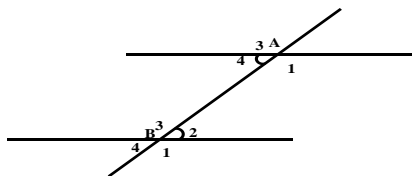
\hat{A}_3 và \hat{B}_1 ; \hat{A}_4 và \hat{B}_2

Các góc đồng vị

\hat{A}_1 và \hat{B}_1 ; \hat{A}_2 và \hat{B}_2

\hat{A}_3 và \hat{B}_3 ; \hat{A}_4 và \hat{B}_4

2.Tính chất:



a) Tính \hat{A}_1 và \hat{B}_3

vì \hat{A}_4 và \hat{A}_1 kề bù nên

$$\hat{A}_4 + \hat{A}_1 = 180^\circ$$

$$\hat{A}_1 = 180^\circ - \hat{A}_4 = 135^\circ$$

$$\hat{B}_2 + B_3 = 180^\circ \text{ (2 góc kề bù)}$$

$$\Rightarrow \hat{B}_3 = 180^\circ - B_2 = 135^\circ$$

$$\text{b) } \hat{A}_4 = \hat{A}_2 \text{ (vì đđ)}$$

$$\text{nên } \hat{A}_2 = 45^\circ$$

$$\hat{B}_2 = \hat{B}_4 \text{ (vì đđ)}$$

$$\text{Nên } \hat{B}_4 = 45^\circ$$

$$\text{c) } \hat{A}_1 = \hat{B}_1 = 135^\circ$$

$$\hat{A}_3 = \hat{B}_3 = 135^\circ$$

$$\hat{A}_4 = \hat{B}_4 = 45^\circ$$

Tính chất (SGK): Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì:

- Hai góc so le trong còn lại bằng nhau
- Hai góc đồng vị bằng nhau.

3. hướng dẫn về nhà

- Làm bài tập 22 (trang 89).

Tiết 6: HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

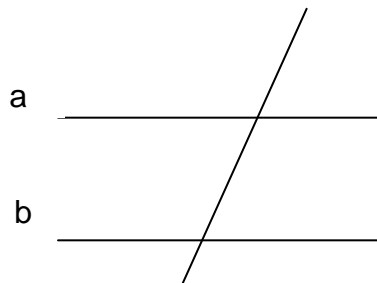
1. Nhắc lại kiến thức lớp 6: (SGK)

- Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng không có điểm chung
- Hai đường thẳng phân biệt thì hoặc cắt nhau hoặc song song.

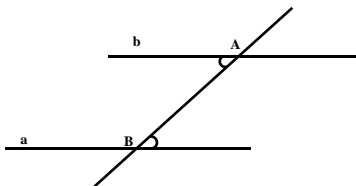
2. Dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song:

* **Tính chất (Sgk / 90):** Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau (hoặc một góc đồng vị bằng nhau) thì a và b song song với nhau.

Ký hiệu $a // b$.



3. Vẽ 2 đường thẳng song song:



4. Hướng dẫn về nhà:

- Làm các bài tập 25, 26, 29 (trang 91; 92 sách giáo khoa)
- Học thuộc dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng //

Tuần 3 (20/9/2021-> 25/9/2021)
Bài 5: TRÙNG BIẾN HÌNH VÀ TRÙNG GIÀY

I/ Trùng biến hình

1. Cấu tạo và di chuyển

- Gồm 1 tế bào có:
- + Chất nguyên sinh lỏng, nhân
- + Không bào tiêu hoá, không bào co bóp.
- Nhờ chân giả (do chất nguyên sinh dồn về 1 phía).

2. Dinh dưỡng

- Tiêu hoá nội bào.
- Bài tiết: chất thừa dồn đến không bào co bóp và thải ra ngoài ở mọi nơi.

3. Sinh sản

Vô tính bằng cách phân đôi cơ thể.

II/ Trùng giày

1. Cấu tạo và di chuyển

- Gồm 1 tế bào có:
- + Chất nguyên sinh lỏng, nhân lớn, nhân nhỏ.
- + 2 không bào co bóp, không bào tiêu hoá, rãnh miệng, hầu.
- + Lông bơi xung quanh cơ thể.
- Nhờ lông bơi.

2. Dinh dưỡng

- Thức ăn qua miệng tới hầu tới không bào tiêu hoá và biến đổi nhờ enzym.
- Chất thải được đưa đến không bào co bóp và qua lỗ để thoát ra ngoài.

3. Sinh sản

- Vô tính bằng cách phân đôi cơ thể theo chiều ngang.
- Hữu tính: bằng cách tiếp hợp.

Bài 6: TRÙNG KIẾT LỊ VÀ TRÙNG SỐT RÉT

I/ Trùng kiết lị

1. Cấu tạo và dinh dưỡng

- Có chân giả ngắn
- Không có không bào.
- Thực hiện qua màng tế bào.
- Nuốt hồng cầu.

2. Phát triển

- Trong môi trường, kết bào xác, khi vào ruột người chui ra khỏi bào xác và bám vào thành ruột.

II/ Trùng sốt rét

1. Cấu tạo và dinh dưỡng

- Không có cơ quan di chuyển.
- Không có các không bào.
- Thực hiện qua màng tế bào.
- Lấy chất dinh dưỡng từ hồng cầu.

2. Phát triển

- Trong tuyến nước bọt của muỗi, khi vào máu người, chui vào hồng cầu sống và sinh sản phá huỷ hồng cầu.

3. Bệnh sốt rét ở nước ta

- Bệnh sốt rét ở nước ta đang dần được đẩy lùi
- Phòng bệnh: Vệ sinh môi trường, cá nhân, diệt muỗi

UNIT 2: PERSONAL INFORMATION

A- TELEPHONE NUMBERS

- Information (uncount. Noun): thông tin
- ➔ Inform (v): thông báo
- ➔ Informative (adj): mang tính báo cáo
- Personal (adj): thuộc về cá nhân
- ➔ Personal information: thông tin cá nhân
- Telephone number (n): số điện thoại
- The way to say telephone numbers:

Ex: Nguyễn Tấn A – 8211800

➔ Nguyen Tan A's telephone number is eight – two – double one – eight – double oh

- **Structure: What is your telephone number?** -> asking about the phone number. (câu hỏi về số điện thoại)

Ex: What is your telephone number?

What is his / her telephone number?

- **Grammar: Future Simple tense – will**

- ⇒ (+) S + will + V-bare
- ⇒ (-) S + will + not (won't) + V-bare
- ⇒ (?) Will + S + V-bare

Ex: I will (I'll) call you back soon.

* Homework:

- Do exercise 4 (page 21) in the student book.
- Write down all the content of this lesson + the box of REMEMBER into your notebook.

B- MY BIRTHDAY

- **Ordinal numbers (số thứ tự)**

first (<i>thứ nhất</i>)	second (<i>thứ hai</i>)	third (<i>thứ ba</i>)
fourth (<i>thứ tư</i>)	fifth (<i>thứ năm</i>)	sixth (<i>thứ sáu</i>)
seventh (<i>thứ bảy</i>)	eighth (<i>thứ tám</i>)	ninth (<i>thứ chín</i>)
tenth (<i>thứ mười</i>)	eleventh (<i>thứ mười một</i>)	twelfth (<i>thứ mười hai</i>)
thirteenth (<i>thứ mười ba</i>)	fourteenth (<i>thứ mười bốn</i>)	fifteenth (<i>thứ mười năm</i>)
sixteenth (<i>thứ mười sáu</i>)	seventeenth (<i>thứ mười bảy</i>)	eighteenth (<i>thứ mười tám</i>)
nineteenth (<i>thứ mười chín</i>)	twentieth (<i>thứ hai mươi</i>)	twenty-first (<i>thứ hai mươi một</i>)
twenty-second (<i>thứ hai mươi hai</i>)	twenty-third (<i>thứ hai mươi ba</i>)	twenty-fourth (<i>thứ hai mươi tư</i>)
twenty-fifth (<i>thứ hai mươi năm</i>)	twenty-sixth (<i>thứ hai mươi sáu</i>)	twenty-seventh (<i>thứ hai mươi bảy</i>)
twenty-eighth (<i>thứ hai mươi tám</i>)	twenty-ninth (<i>thứ hai mươi chín</i>)	thirtieth (<i>thứ ba mươi</i>)
thirty-first (<i>thứ ba mươi một</i>)		

- **Months: (tháng)**

January : Tháng Một	July : Tháng Bảy
February: Tháng Hai	August : Tháng Tám
March : Tháng Ba	September: Tháng Chín

April : Tháng Tư	October : Tháng Mười
May : Tháng Năm	November : Tháng Mười Một
June : Tháng Sáu	December : Tháng Mười Hai

- **Structure: Asking about the date of birth (birthday): Câu hỏi về ngày sinh (sinh nhật)**

What is your date of birth?
= When is your birthday?

→ My date of birth is on November 27th.
= My birthday is on November 27th.

UNIT 2: PERSONAL INFORMATION

A. TELEPHONE NUMBERS

I. Dùng các cụm từ trong khung để hoàn tất các câu.

personal information telephone number telephone directory home address

1. My _____ is 4A Cong Hoa Street.
2. What is your _____? – 38 254 641.
3. For your _____ please write your name, your age, your education, your experience, etc.
4. You can find his telephone number in the _____

II. Viết câu với các từ gợi ý, dùng thì tương lai đơn (future simple tense): will + verb (inf. Without to). Viết rút gọn nếu có thể.

Ex: I/ go/ the supermarket/ tomorrow I'll go to the supermarket tomorrow.

1. We/ fly/ Nha Trang/ in June

2. The meeting/ take place/ at 6p.m

3. It/ snow/ the mountains/ tomorrow evening

4. Hoa/ have/ lots of friends/ soon

5. I/ come/ after lunch

6. He/ see/ you/ tomorrow afternoon

7. My father/ be free/ at 7.30 this evening

8. They/ arrive/ at about 4p.m

III. Điền vào chỗ trống với will hoặc won't.

Ex: Will you go to the party tonight? ~ No, I won't.

1. _____ Nam play basketball? ~ Yes, he _____.
2. _____ Hoa come here? ~ No, she _____.
3. _____ they travel to Ha Noi next week? ~ No, they _____.

4. _____ you see her? ~ Yes, I _____.
5. _____ your brother be busy tomorrow? ~ No, he _____.
6. _____ Nam and Ba meet at seven o'clock? ~ Yes, they _____
7. _____ you go fishing next Sunday? ~ No, we _____.
8. _____ An call you back? ~ Yes, he _____.

IV. Dùng What, Where, When, Who, Why, How, What time để đặt câu hỏi cho các từ gạch dưới.

Ex: What will you do tonight? ~ I'll do my homework.

1. _____ will they do tomorrow afternoon? ~ They'll play tennis.
2. _____ will go camping next Sunday? ~ Nam and Quang will.
3. _____ will we meet? ~ We'll meet at Lan's house.
4. _____ will you be back? ~ I'll be back at eight o'clock.
5. _____ will she go to the zoo? ~ She'll go by bus.
6. _____ will your father travel to Ha Noi? ~ He will travel next week.
7. _____ will Nam go to bed early tonight? ~ Because he'll have a test tomorrow.
8. _____ will you go next summer vacation? ~ I will go to Nha Trang.

V. Sắp xếp các câu thành đoạn hội thoại hợp lý.

- _____ This is Nga. When will she come back?
 _____ Hello. Can I speak to Trang?
 _____ 1 _____ Hello. This is 38 630 842.
 _____ She'll be back at about half past four.
 _____ I'm sorry. She's out at the moment. Who is calling?
 _____ All right. Please tell her I'll call again at five.
 _____ Thank you. Goodbye.
 _____ OK. I'll tell her.
 _____ Bye.

VI. Dùng các từ cho sẵn trong khung để hoàn tất đoạn hội thoại.

Where when will would is who at see

Mai : Hello. This is 8942810.

Phong : Hello. (1) _____ that Mai?

Mai : Yes. (2) _____ is this?

Phong : It's me, Phong. (3) _____ you be free tomorrow afternoon?

Mai : Yes, I will.

Phong : (4) _____ you like to play tennis?

Mai : Sure. (5) _____ will we play?

Phong : We'll play at Lan Anh court.

Mai : (6) _____ will we meet?

Phong : We'll meet (7) _____ three o'clock.

Mai : OK. I'll (8) _____ you tomorrow.